

Số: 582/QĐ-CDYT

Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận điểm rèn luyện Học kỳ I, II năm học 2022- 2023 cho HSSV các lớp Cao đẳng Điều dưỡng K14, CD Dược K11, CD Dược 12, CD XN K11, CD Hộ sinh K8, TC Y Sỹ K13.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động thương binh và xã hội về việc ban hành Điều lệ Trường Cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động thương binh và xã hội về việc ban hành quy chế công tác học sinh sinh viên trong trường Trung cấp, trường Cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 03 năm 2017, qui định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng.

Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Lao động Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy Mô-đun hoặc tín chỉ.

Căn cứ Quyết định số 492/QĐ- TCYT – HSSV ngày 21/8/2023 của trường Cao đẳng Y Tế Hà Đông ban hành quy chế về công tác học sinh sinh viên trường cao đẳng y tế Hà Đông.

Căn cứ biên bản cuộc họp ngày 22 tháng 09 năm 2023 của Hội đồng đánh giá điểm rèn luyện các lớp Cao đẳng Điều dưỡng K14, CD Dược K11, CD Dược 12, CD XN K11, CD Hộ sinh K8, TC Y Sỹ K13.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác chính trị & Quản lý học sinh sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận điểm rèn luyện Học kỳ I, II năm học 2022-2023 cho HSSV các lớp cụ thể như sau:

- Điểm rèn luyện Học kỳ I năm học 2022 – 2023: Lớp: Cao đẳng Điều dưỡng K14, CD Dược K11, CD Dược 12, CD XN K11 (Có DS đính kèm)

- Điểm rèn luyện Học kỳ I, Học kỳ II năm học 2022 - 2023 Lớp CĐ Hộ sinh K8, TC Y SỸ K13 *Có DS đính kèm*)

Điều 2: Kết quả rèn luyện được lưu tại Phòng CTCT& Quản lý HSSV và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các ông/bà Trưởng phòng Công tác Chính trị và Quản lý học sinh sinh viên, phòng Đào tạo và Quản lý khoa học, GVCVHT và HSSV có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi gửi:

- Ban Giám hiệu (để BC)
- Như điều 3 (để t/hiện) ;
- Các phòng, GVCN (phối hợp) ;
- ĐTN (phối hợp) ;
- Lưu VT, CTCT&QLHSSV



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022-2023 CÁC LỚP CĐ DƯỢC K11, CĐ DƯỢC K12, CĐ ĐIỀU
DƯỠNG K14, CĐ KT XÉT NGHIỆM Y HỌC K11A, CĐ HỘ SINH K8A, TC Y SỸ ĐA
KHOA K13; HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023 LỚP CĐ HỘ SINH K8A, TC Y SỸ ĐA
KHOA K13A**

Hôm nay vào hồi ...9... giờ 00... ngày 22.. tháng 09... năm 2023 tại hội trường 60.7
Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông họp Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện:

I. Thành phần Hội đồng xét duyệt:

1. Ông Nguyễn Đăng Trường - Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng – Chủ tọa.
 2. Bà Lê Thị Thu Trang - Phó Hiệu trưởng – Phó CT hội đồng
 3. Ông Nguyễn Văn Lệ - Phó Hiệu trưởng - Ủy viên
 4. Bà Nguyễn Thị Ái Hương - TP CTCT & QLHSSV – Thường trực HĐ
 5. Bà Nghiêm Thị Thu Huyền - P.CTCT&QLHSSV - Thư ký hội đồng
- Cùng các ông bà có tên trong quyết định số 566/QĐ-CĐYT ngày 19 tháng 09 năm 2023..
- Có mặt ...20/20 đ/c
- Vắng: ...0.....
-
-

II. Nội dung:

- Ths. Nguyễn Thị Ái Hương - Trưởng phòng CTCT & QLHSSV – Thường trực Hội đồng đọc quyết định thành lập Hội đồng đánh giá điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2022-2023 của lớp CĐ CĐ Dược K11, CĐ Dược K12, CĐ Điều dưỡng k14, CĐ Kỹ thuật Xét nghiệm Y học K11, CĐ Hộ sinh K8A, TC Y sỹ đa khoa K13; học kỳ II năm học 2022- 2023 của lớp CĐ Hộ sinh K8A, TC Y sỹ đa khoa K13.

- Các đồng chí phụ trách các chuyên ngành báo cáo kết quả rèn luyện học kỳ I năm học 2022-2023 của lớp CĐ CĐ Dược K11, CĐ Dược K12, CĐ Điều dưỡng k14, CĐ Kỹ thuật Xét nghiệm Y học K11, CĐ Hộ sinh K8A, TC Y sỹ đa khoa K13; học kỳ II năm học 2022- 2023 của lớp CĐ Hộ sinh K8A, TC Y sỹ đa khoa K13 - Căn cứ quy chế về công tác học sinh viên trường cao đẳng y tế Hà Đông ban hành kèm theo quyết định số 209/QĐ-TCĐYT-HSSV ngày 06/3/2018, quyết định số 492/QĐ-TCĐYT-HSSV ngày 21/8/2023.

Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện tiến hành xét duyệt điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2022-2023 của từng lớp cụ thể như sau:

1. Lớp ...CĐ Dược 11A... Sĩ Số: ...19.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có1....sv, đạt 5,3...%

ĐRL loại Tốt có ...11....sv, đạt .57,9...%
ĐRL loại Khá có4....sv, đạt ...21,1...%
ĐRL loại Trung bình có3....sv, đạt .15,8...%
ĐRL loại Yếu có0....sv, đạt%

2. Lớp ~~CA.D.ĐC~~ 11A2: Sĩ Số:20....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có ...1....sv, đạt .5.....%
ĐRL loại Tốt có ...11....sv, đạt ...55.....%
ĐRL loại Khá có4....sv, đạt ..20....%
ĐRL loại Trung bình có ...4....sv, đạt .20....%
ĐRL loại Yếu có0....sv, đạt%

3. Lớp ~~CA.D.ĐC~~ 11A3: Sĩ Số: ...21....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có2....sv, đạt .9,5....%
ĐRL loại Tốt có16....sv, đạt ...76,2...%
ĐRL loại Khá có ...3....sv, đạt ..14,3...%
ĐRL loại Trung bình có ...0....sv, đạt%
ĐRL loại Yếu có0....sv, đạt%

4. Lớp ~~CA.D.ĐC~~ 11A4: Sĩ Số:26....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có ...2....sv, đạt .7,7....%
ĐRL loại Tốt có6....sv, đạt ..23,1...%
ĐRL loại Khá có ...15....sv, đạt .57,7...%
ĐRL loại Trung bình có ...3....sv, đạt .11,5...%
ĐRL loại Yếu có0....sv, đạt%

5. Lớp ~~CA.D.ĐC~~ 11A6: Sĩ Số: ...25....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có ...4....sv, đạt .16....%
ĐRL loại Tốt có ...18....sv, đạt ...72....%
ĐRL loại Khá có ...3....sv, đạt12...%
ĐRL loại Trung bình có ...0....sv, đạt%
ĐRL loại Yếu có ...0....sv, đạt%

6. Lớp ~~CA.D.ĐC~~ 11A8: Sĩ Số:27....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có ...2....sv, đạt .7,4....%
ĐRL loại Tốt có22....sv, đạt ..81,5...%
ĐRL loại Khá có3....sv, đạt .11,1...%

ĐRL loại Trung bình có0.....sv, đạt%

ĐRL loại Yếu có0.....sv, đạt%

7. Lớp ...~~CA~~...~~Dực~~...11A12: Sĩ Số:23.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có2.....sv, đạt .8,7...%

ĐRL loại Tốt có ...10.....sv, đạt ...43,5%

ĐRL loại Khá có ...11.....sv, đạt ...47,8%

ĐRL loại Trung bình có0.....sv, đạt%

ĐRL loại Yếu có0.....sv, đạt%

8. Lớp ...~~CA~~...~~Dực~~...11A10 Sĩ Số:21.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có6.....sv, đạt 28,6...%

ĐRL loại Tốt có7.....sv, đạt ...33,3%

ĐRL loại Khá có8.....sv, đạt ...38,1...%

ĐRL loại Trung bình có0.....sv, đạt%

ĐRL loại Yếu có0.....sv, đạt%

9. Lớp ...~~CA~~...~~Dực~~...11A11: Sĩ Số:19.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có ...3.....sv, đạt 15,8...%

ĐRL loại Tốt có11.....sv, đạt ...57,9%

ĐRL loại Khá có ...5.....sv, đạt ...26,3...%

ĐRL loại Trung bình có0.....sv, đạt%

ĐRL loại Yếu có ...0.....sv, đạt%

10. Lớp ...~~CA~~...~~Dực~~...11A12: Sĩ Số:20.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có2.....sv, đạt ...10...%

ĐRL loại Tốt có ...16.....sv, đạt80...%

ĐRL loại Khá có ...2.....sv, đạt ...10...%

ĐRL loại Trung bình có0.....sv, đạt%

ĐRL loại Yếu có0.....sv, đạt%

11. Lớp ...~~CA~~...~~Dực~~...11A13: Sĩ Số:23.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có2.....sv, đạt .8,7...%

ĐRL loại Tốt có ...14.....sv, đạt ...60,9%

ĐRL loại Khá có ...6.....sv, đạt ...26,1...%

ĐRL loại Trung bình có ...1.....sv, đạt ...4,3...%

ĐRL loại Yếu có0.....sv, đạt%

12. Lớp ...~~CA~~...~~Dực~~...11A14: Sĩ Số:22.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có4.....sv, đạt ...18,2...%

ĐRL loại Tốt có8.....sv, đạt ...36,4...%

ĐRL loại Khá có ...10.....sv, đạt ...45,5...%

ĐRL loại Trung bình có0.....sv, đạt%

ĐRL loại Yếu có0.....sv, đạt%

13. Lớp ..~~GA~~...~~Nhức~~...11A15...: Sĩ Số: ...24.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có ...2.....sv, đạt ..8,3....%

ĐRL loại Tốt có15.....sv, đạt ..62,5...%

ĐRL loại Khá có7.....sv, đạt ..29,2...%

ĐRL loại Trung bình có ...0.....sv, đạt%

ĐRL loại Yếu có0.....sv, đạt%

14. Lớp ..~~GA~~...~~Hồ sinh~~...18A...: Sĩ Số:8.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có3.....sv, đạt ..37,5...%

ĐRL loại Tốt có4...sv, đạt ...50...%

ĐRL loại Khá có1.....sv, đạt ..12,5...%

ĐRL loại Trung bình có0.....sv, đạt%

ĐRL loại Yếu có0.....sv, đạt%

15. Lớp ..~~GA~~...~~Nhức~~...12A1...: Sĩ Số: ...22.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có2.....sv, đạt ...9,1...%

ĐRL loại Tốt có7.....sv, đạt ..31,8...%

ĐRL loại Khá có ...9.....sv, đạt ..40,9...%

ĐRL loại Trung bình có ...4.....sv, đạt ..18,2...%

ĐRL loại Yếu có0.....sv, đạt%

16. Lớp ..~~GA~~...~~Nhức~~...12A2...: Sĩ Số:21.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có ...0.....sv, đạt ...0.....%

ĐRL loại Tốt có6.....sv, đạt ..28,6...%

ĐRL loại Khá có15.....sv, đạt ..71,4...%

ĐRL loại Trung bình có ...0.....sv, đạt%

ĐRL loại Yếu có0.....sv, đạt%

17. Lớp ...~~GA~~...~~Nhức~~...12A3...: Sĩ Số: ...24.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có3.....sv, đạt ..12,5...%

ĐRL loại Tốt có9...sv, đạt ..37,5...%

ĐRL loại Khá có ...12.....sv, đạt ...50...%

ĐRL loại Trung bình có ...0.....sv, đạt%

ĐRL loại Yếu có0.....sv, đạt%

18. Lớp ...~~GA~~...~~Nhức~~...12A4...: Sĩ Số:23.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có2...sv, đạt ..8,7...%

ĐRL loại Tốt có6.....sv, đạt ..26,1...%

ĐRL loại Khá có14...sv, đạt ...60,9...%

ĐRL loại Trung bình có1.....sv, đạt ...4,3.%

ĐRL loại Yếu có ...0.....sv, đạt ...0.....%

19. Lớp ...~~CĐ~~...~~Dược~~...12A5: Sĩ Số:23.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có ...1.....sv, đạt ...4,3.%

ĐRL loại Tốt có ...15.....sv, đạt ...65,2.%

ĐRL loại Khá có6.....sv, đạt ...26,1.%

ĐRL loại Trung bình có .1.....sv, đạt ...4,3.%

ĐRL loại Yếu có0.....sv, đạt ...0.....%

20. Lớp ...~~CĐ~~...~~Dược~~...12A6: Sĩ Số:20.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có0.....sv, đạt ...0.....%

ĐRL loại Tốt có ...5.....sv, đạt ...25.....%

ĐRL loại Khá có ...13.....sv, đạt ...65.....%

ĐRL loại Trung bình có2.....sv, đạt ...10.....%

ĐRL loại Yếu có0.....sv, đạt%

21. Lớp ...~~CĐ~~...~~Dược~~...12A7: Sĩ Số:21.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có0.....sv, đạt ...0.....%

ĐRL loại Tốt có5.....sv, đạt ...23,8.%

ĐRL loại Khá có15.....sv, đạt ...71,4.%

ĐRL loại Trung bình có ...1.....sv, đạt ...4,8.....%

ĐRL loại Yếu có0.....sv, đạt%

22. Lớp ...~~CĐ~~...~~Dược~~...12A8: Sĩ Số:26.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có2.....sv, đạt ...7,7.....%

ĐRL loại Tốt có7.....sv, đạt ...26,9.%

ĐRL loại Khá có ...14.....sv, đạt ...53,8.%

ĐRL loại Trung bình có3.....sv, đạt ...11,5.%

ĐRL loại Yếu có0.....sv, đạt ...0.....%

23. Lớp ...~~CĐ~~...~~Dược~~...12A9: Sĩ Số:25.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có2.....sv, đạt ...8.....%

ĐRL loại Tốt có8.....sv, đạt ...32.....%

ĐRL loại Khá có ...14.....sv, đạt ...56.....%

ĐRL loại Trung bình có1.....sv, đạt ...4.....%

ĐRL loại Yếu có0....sv, đạt ...0....%

24. Lớp CĐ.Nhất...12A10..: Sĩ Số: ...20.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có ...2.....sv, đạt 10....%

ĐRL loại Tốt có5.....sv, đạt ..25....%

ĐRL loại Khá có10.....sv, đạt ...50....%

ĐRL loại Trung bình có ...3.....sv, đạt ..15....%

ĐRL loại Yếu có0.....sv, đạt%

25. Lớp CĐ.Nhất...12A11..: Sĩ Số: ...21.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có ...1.....sv, đạt ..4,8....%

ĐRL loại Tốt có8.....sv, đạt ...38,1....%

ĐRL loại Khá có ...12.....sv, đạt ...57,1....%

ĐRL loại Trung bình có ..0.....sv, đạt ...0....%

ĐRL loại Yếu có0.....sv, đạt%

26. Lớp CĐ.Nhất...12A12..: Sĩ Số:25.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có1.....sv, đạt4....%

ĐRL loại Tốt có3.....sv, đạt ..12....%

ĐRL loại Khá có ...24.....sv, đạt ..84....%

ĐRL loại Trung bình có ...0.....sv, đạt ...0....%

ĐRL loại Yếu có0.....sv, đạt0....%

27. Lớp CĐ.Nhất...12A13..: Sĩ Số:23.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có4.....sv, đạt ..17,4....%

ĐRL loại Tốt có ...7.....sv, đạt ..30,4....%

ĐRL loại Khá có ...9.....sv, đạt ..39,1....%

ĐRL loại Trung bình có3.....sv, đạt ..13....%

ĐRL loại Yếu có0.....sv, đạt0....%

28. Lớp CĐ.Nhất...12A14..: Sĩ Số: ...21.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có4.....sv, đạt ..19....%

ĐRL loại Tốt có3.....sv, đạt ..14,3....%

ĐRL loại Khá có14.....sv, đạt ..66,7....%

ĐRL loại Trung bình có0.....sv, đạt ...0....%

ĐRL loại Yếu có0.....sv, đạt ...0....%

.....
29. Lớp ...*CA.Duc.12A15*: Sĩ Số: ...*23*.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có ...*2*.....sv, đạt ...*8,7*...%

ĐRL loại Tốt có*12*.....sv, đạt ...*52,2*...

ĐRL loại Khá có*9*.....sv, đạt ...*39,1*...

ĐRL loại Trung bình có*0*.....sv, đạt ...*0*.....%

ĐRL loại Yếu có*0*.....sv, đạt*0*...%

.....

30. Lớp ...*CA.Duc.12A16*: Sĩ Số:*29*.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có*2*.....sv, đạt ...*6,9*...%

ĐRL loại Tốt có*5*.....sv, đạt ...*17,2*...

ĐRL loại Khá có ...*18*.....sv, đạt ...*62,1*...

ĐRL loại Trung bình có*4*.....sv, đạt ...*13,8*.....%

ĐRL loại Yếu có*0*.....sv, đạt ...*0*.....%

.....

31. Lớp ...*CA.KTXN.YH.5A*: Sĩ Số:*17*.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có*1*.....sv, đạt ...*5,9*...%

ĐRL loại Tốt có ...*2*.....sv, đạt ...*11,8*...

ĐRL loại Khá có ...*13*.....sv, đạt ...*76,5*...

ĐRL loại Trung bình có*1*.....sv, đạt ...*5,9*...%

ĐRL loại Yếu có*0*.....sv, đạt ...*0*...%

.....

32. Lớp ...*TC.XS.AK.13A1*..: Sĩ Số:*22*.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có ...*0*.....sv, đạt ...*0*.....%

ĐRL loại Tốt có ...*6*.....sv, đạt ...*27,3*...%

ĐRL loại Khá có*16*.....sv, đạt ...*72,7*...

ĐRL loại Trung bình có ...*0*.....sv, đạt ...*0*.....%

ĐRL loại Yếu có*0*.....sv, đạt ...*0*...%

.....

33. Lớp ...*TC.XS.AK.13A2*.....: Sĩ Số:*20*.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có*0*.....sv, đạt ...*0*.....%

ĐRL loại Tốt có ...*6*.....sv, đạt*30*..%

ĐRL loại Khá có ...*14*.....sv, đạt ...*70*...%

ĐRL loại Trung bình có*0*.....sv, đạt ...*0*.....%

ĐRL loại Yếu có*0*.....sv, đạt ...*0*...%

.....

34. Lớp TC.XS.DK...13.A.3...: Sĩ Số: 20.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có 0.....sv, đạt 0.....%

ĐRL loại Tốt có 3.....sv, đạt 15.....%

ĐRL loại Khá có 16.....sv, đạt 80.....%

ĐRL loại Trung bình có 1.....sv, đạt 5.....%

ĐRL loại Yếu có 0.....sv, đạt 0.....%

35. Lớp TC.XS.DK...13.A.4...: Sĩ Số: 15.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có 1.....sv, đạt 6,7.....%

ĐRL loại Tốt có 6.....sv, đạt 40.....%

ĐRL loại Khá có 7.....sv, đạt 46,7.....%

ĐRL loại Trung bình có 1.....sv, đạt 6,7.....%

ĐRL loại Yếu có 0.....sv, đạt 0.....%

36. Lớp CHD.14.A.1.....: Sĩ Số: 25.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có 2.....sv, đạt 8,0.....%

ĐRL loại Tốt có 17.....sv, đạt 68.....%

ĐRL loại Khá có 6.....sv, đạt 24.....%

ĐRL loại Trung bình có 0.....sv, đạt 0.....%

ĐRL loại Yếu có 0.....sv, đạt 0.....%

37. Lớp CHD.14.A.2.....: Sĩ Số: 21.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có 1.....sv, đạt 4,8.....%

ĐRL loại Tốt có 12.....sv, đạt 48,0.....%

ĐRL loại Khá có 7.....sv, đạt 28,0.....%

ĐRL loại Trung bình có 1.....sv, đạt 4,8.....%

ĐRL loại Yếu có 0.....sv, đạt 0.....%

38. Lớp CHD.14.A.3.....: Sĩ Số: 24.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có 1.....sv, đạt 4,2.....%

ĐRL loại Tốt có 16.....sv, đạt 66,7.....%

ĐRL loại Khá có 7.....sv, đạt 29,2.....%

ĐRL loại Trung bình có 0.....sv, đạt 0.....%

ĐRL loại Yếu có 0.....sv, đạt 0.....%

39. Lớp CHD.14.A.4.....: Sĩ Số: 25.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có0.....sv, đạt ...0.....%
ĐRL loại Tốt có ...12.....sv, đạt ...48.....%
ĐRL loại Khá có ...12.....sv, đạt ...48.....%
ĐRL loại Trung bình có ...1.....sv, đạt ...40.....%
ĐRL loại Yếu có0.....sv, đạt ...0.....%

40. LớpAD14A5.....: Sĩ Số:26.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có1.....sv, đạt ...38.....%
ĐRL loại Tốt có9.....sv, đạt ...34,6.....%
ĐRL loại Khá có ...15.....sv, đạt ...57,7.....%
ĐRL loại Trung bình có ...1.....sv, đạt ...38.....%
ĐRL loại Yếu có0.....sv, đạt0.....%

41. LớpAD14A6.....: Sĩ Số:24.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có0.....sv, đạt0.....%
ĐRL loại Tốt có ...15.....sv, đạt ...62,5.....%
ĐRL loại Khá có9.....sv, đạt ...37,5.....%
ĐRL loại Trung bình có ...0.....sv, đạt ...0.....%
ĐRL loại Yếu có0.....sv, đạt0.....%

42. LớpAD14A7.....: Sĩ Số:23.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có2.....sv, đạt ...8,7.....%
ĐRL loại Tốt có10.....sv, đạt ...43,5.....%
ĐRL loại Khá có ...11.....sv, đạt ...47,8.....%
ĐRL loại Trung bình có0.....sv, đạt ...0.....%
ĐRL loại Yếu có0.....sv, đạt ...0.....%

43. LớpAD14A8.....: Sĩ Số:22.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có ...2.....sv, đạt ...9,1.....%
ĐRL loại Tốt có ...14.....sv, đạt ...63,6.....%
ĐRL loại Khá có ...6.....sv, đạt ...27,3.....%
ĐRL loại Trung bình có ...0.....sv, đạt ...0.....%
ĐRL loại Yếu có0.....sv, đạt ...0.....%

44. LớpAD14A9.....: Sĩ Số:26.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có ...1.....sv, đạt ...3,8.....%

ĐRL loại Tốt có ...12...sv, đạt ...46,2...%
ĐRL loại Khá có ...13...sv, đạt ...50,0...%
ĐRL loại Trung bình có ...0...sv, đạt ...0...%
ĐRL loại Yếu có ...0...sv, đạt ...0...%

45. Lớp14.B1.....: Sĩ Số:10.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có ...0...sv, đạt ...0...%
ĐRL loại Tốt có ...2...sv, đạt ...20,0...%
ĐRL loại Khá có ...8...sv, đạt ...80,0...%
ĐRL loại Trung bình có ...0...sv, đạt ...0...%
ĐRL loại Yếu có ...0...sv, đạt ...0...%

46. Lớp14.B2.....: Sĩ Số:32.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có ...0...sv, đạt ...0...%
ĐRL loại Tốt có ...15...sv, đạt ...46,9...%
ĐRL loại Khá có ...14...sv, đạt ...43,8...%
ĐRL loại Trung bình có ...3...sv, đạt ...9,4...%
ĐRL loại Yếu có ...0...sv, đạt ...0...%

Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện tiến hành xét duyệt điểm rèn luyện học kỳ II năm học 2022-2023 của từng lớp cụ thể như sau:

1. Lớp ~~CA~~ Hồ sinh 18A: Sĩ Số:8.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có ...3...sv, đạt ...37,5...%
ĐRL loại Tốt có ...4...sv, đạt ...50...%
ĐRL loại Khá có ...1...sv, đạt ...12,5...%
ĐRL loại Trung bình có ...0...sv, đạt ...0...%
ĐRL loại Yếu có ...0...sv, đạt ...0...%

2. Lớp ~~TC.XA.K~~ 13A1: Sĩ Số:22.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có ...0...sv, đạt ...0...%
ĐRL loại Tốt có ...9...sv, đạt ...40,9...%
ĐRL loại Khá có ...13...sv, đạt ...59,1...%
ĐRL loại Trung bình có ...0...sv, đạt ...0...%
ĐRL loại Yếu có ...0...sv, đạt ...0...%

3. Lớp TC.YS.AK...13A2: Sĩ Số:20.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có0....sv, đạt ..0.....%

ĐRL loại Tốt có9....sv, đạt ...45....%

ĐRL loại Khá có11....sv, đạt ...55....%

ĐRL loại Trung bình có0....sv, đạt ...0....%

ĐRL loại Yếu có0....sv, đạt0....%

4. Lớp TC.YS.AK...13A3: Sĩ Số:19.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có2....sv, đạt ..10,5....%

ĐRL loại Tốt có6....sv, đạt ..31,6....%

ĐRL loại Khá có11....sv, đạt ...57,9....%

ĐRL loại Trung bình có0....sv, đạt ..0....%

ĐRL loại Yếu có0....sv, đạt ...0....%

5. Lớp TC.YS.AK...13A4: Sĩ Số:15.....sv

Trong đó: ĐRL loại Xuất sắc có ...2....sv, đạt ...13,3....%

ĐRL loại Tốt có12....sv, đạt ...80....%

ĐRL loại Khá có ...1....sv, đạt ...6,7....%

ĐRL loại Trung bình có0....sv, đạt0....%

ĐRL loại Yếu có0....sv, đạt ...0....%

Đề nghị phòng CTCT & QL HSSV hoàn thiện bảng điểm rèn luyện đã được đánh giá và niêm yết danh sách công khai tới các lớp.

- Biên bản được thông qua trước toàn thể hội đồng với sự tán thành của100%.....đ/c dự họp.

- Cuộc họp kết thúc ..11..h..00..phút cùng ngày.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG


Nghiêm Thu Huyền



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

Số: 566 /QĐ-TCĐYT-HSSV

Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện
Học kỳ 1 năm học 2022-2023 của các lớp CĐ Điều dưỡng K14, CĐ
Dược K11, CĐ Dược K12, CĐ Kỹ thuật xét nghiệm y học K11.
Học kỳ 1, 2 năm học 2022-2023 của lớp CĐ Hộ sinh K8, trung cấp y sỹ
đa khoa K13.**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động thương binh xã hội về việc ban hành Điều lệ Trường Cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động thương binh xã hội về việc ban hành quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 209/QĐ-TCĐYT-HSSV ngày 06/3/2018 của trường Cao đẳng y tế Hà Đông ban hành quy chế về công tác học sinh sinh viên trường cao đẳng y tế Hà Đông;

Căn cứ Quyết định số 492/QĐ-TCĐYT-HSSV ngày 21/08/2023 của trường Cao đẳng y tế Hà Đông ban hành quy chế về công tác học sinh sinh viên trường cao đẳng y tế Hà Đông;

Căn cứ Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông về việc quy định chức năng, nhiệm vụ của phòng Quản lý học sinh sinh viên;

Xét đề nghị của Trưởng phòng CTCT & QLHSSV.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện

Học kỳ 1 năm học 2022-2023 của các lớp CĐ Điều dưỡng K14, CĐ Dược K11, CĐ Dược K12, CĐ Kỹ thuật xét nghiệm y học K11.

Học kỳ 1, 2 năm học 2022-2023 của lớp CĐ Hộ sinh K8, trung cấp y sỹ đa khoa K13, gồm những ông bà có tên sau:

1. Ông Nguyễn Đăng Trường, Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng.
2. Bà Lê Thị Thu Trang, P.hiệu trưởng - Phó chủ tịch.
3. Ông Nguyễn Văn Lê, P.hiệu trưởng - Ủy viên
4. Bà Nguyễn Thị Ái Hương, Trưởng phòng CTCT & QLHSSV - Thường trực HĐ.
5. Bà Nghiêm Thị Thu Huyền - phòng CTCT & QLHSSV - Ủy viên thư ký.
6. Ông Nguyễn Minh Xuyên, Trưởng Phòng Đào tạo - Ủy viên.

7. Bà Trần Thị Hồng Hoa, Trưởng phòng KHTC - Ủy viên.
8. Bà Bạch Thị Tuyết Mai, BT Đoàn Thanh niên - Ủy viên.
9. Bà Trịnh Thị Khuyên, phòng CTCT& QLHSSV- GVCN CĐ Dược 12A13, 14, 15, 16- Ủy viên.
10. Bà Lê Thị Toan , phòng CTCT &QLHSSV phụ trách ngành Xét nghiệm, GVCN TC Y sỹ khóa 13A 1, 2, 3, 4- Ủy viên
11. Bà Chu Thị Hồng - GVCN CĐ Dược 11A1, 2, 3 ; Ủy viên
12. Bà Nguyễn Thị Nga - GVCN CĐ Dược 11A4, 6 – GVCN CĐ Dược 12A1, 2, 3, 4 - Ủy viên
13. Bà Nguyễn Thị Ngọc - GVCN CĐ Dược 11A8, 9, 10, 11, 12- GVCN CĐ Dược K12A 9, 10, 11, 12 ; Ủy viên
14. Bà Dư Quốc Đông - GVCN CĐ Dược 11A13, 14, 15; Ủy viên
15. Bà Nguyễn Văn Thành Thủy - GVCN CĐ Dược 12A5, 6, 7, 8; Ủy viên
16. Bà Nguyễn Thị Vân Anh - GVCN CĐ Hộ sinh K8, Ủy viên
17. Bà Nguyễn Thị Bích Liên - GVCN CĐ KTXN 11; Ủy viên
18. Bà Nguyễn Thanh Kiên - GVCN CĐĐĐ 14A 1, 2, 3, 4; Ủy viên
19. Bà Đỗ Thị Thắm - GVCN CĐĐĐ 14A5, 6, 7, 8, 9; Ủy viên
20. Ông Nguyễn Quang Tình - GVCN CĐĐĐ 14B1, B2; Ủy viên

Điều 2: Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện Học kỳ 1 năm học 2022-2023 của các lớp CĐ Điều dưỡng K14, CĐ Dược K11, CĐ Dược K12, CĐ Kỹ thuật xét nghiệm y học K11.

Học kỳ 1, 2 năm học 2022-2023 của lớp CĐ Hộ sinh K8, trung cấp y sỹ đa khoa K13, thực hiện nhiệm vụ theo quy định của trường Cao đẳng y tế Hà Đông và các quy định của pháp luật hiện hành.

Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3: Các ông bà có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận :

- Ban Giám hiệu ;
- Như điều 1 (để t/hiện) ;
- Lưu VT., QLHSSV



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K11A1

Học kỳ I - Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	KỲ 3 (2021-2024)		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Đỗ Thị Mai Anh	27/11/2003	81	Tốt	
2	Mai Phương Anh	22/08/2003	76	Khá	
3	Nguyễn Hoàng Anh	16/09/2001	81	Tốt	
4	Đỗ Thị Hà	11/07/2003	78	Khá	
5	Nguyễn Thái Hà	05/12/2003	62	Trung bình	
6	Lê Thị Hạnh	09/02/1998	91	Xuất sắc	
7	Nguyễn Thanh Hiền	19/11/2003	81	Tốt	
8	Lê Thị Thu Hường	09/10/2003	74	Khá	
9	Nguyễn Thị Sao Mai	06/07/1997	84	Tốt	
10	Lê Thị Nguyệt	19/10/2003	84	Tốt	
11	Tô Minh Nhật	20/12/2002	73	Khá	
12	Trần Thị Bích Phương	16/08/2002	84	Tốt	
13	Nguyễn Phương Thảo	15/02/2003	84	Tốt	
14	Hà Phương Thảo	29/9/2003	81	Tốt	
15	Ngô Thị Thu Thương	15/05/2003	83	Tốt	
16	Dương Thị Thu Thủy	07/12/2003	80	Tốt	
17	Nguyễn Huy Trung	29/11/2003	67	Trung bình	
18	Nguyễn Thị Tuyên	24/08/2003	80	Tốt	
19	Nguyễn Nghiêm Tâm	11/06/2001	63	Trung bình	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1 (2022-2023)	SỐ LƯỢNG	Tỷ lệ (%)
1	Xuất sắc	1	5.3
2	Tốt	11	57.9
3	Khá	4	21.1
4	Trung bình	3	15.8
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		19	100.0

NGƯỜI LẬP

TP.CTCT&QLHSSV

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

Trịnh Thị Khuyên

Nguyễn Thị Ái Hương

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K11A2

Học kỳ I - Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	KỲ 3 (2021-2024)		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Nguyễn Mai Anh	12/01/2003	58	Trung bình	
2	Nguyễn Thị Vân Anh	03/07/2003	83	Tốt	
3	Phạm Thị Dịu	02/11/2003	83	Tốt	
4	Nguyễn Như Đức	20/03/2003	84	Tốt	
5	Đoàn Thị Thùy Dương	05/12/2003	75	Khá	
6	Đông Thị Linh Giang	06/10/2003	94	Xuất sắc	
7	Lò Quỳnh Hương	20/08/2003	89	Tốt	
8	Nguyễn Thị Mai Hương	30/12/2000	85	Tốt	
9	Trần Thị Linh	28/10/2003	81	Tốt	
10	Ngô Duy Lương	17/06/2003	85	Tốt	
11	Phạm Thị Bích Thảo	26/7/2000	85	Tốt	
12	Lê Thị Thu Thủy	31/10/2003	88	Tốt	
13	Đỗ Minh Trang	18/02/2003	69	Trung bình	
14	Lê Thị Thùy Trang	17/07/2002	64	Trung bình	
15	Nguyễn Thị Thu Trang	08/05/2001	83	Tốt	
16	Quản Thị Thùy Trang	10/11/2003	74	Khá	
17	Trịnh Minh Trang	12/08/2003	82	Tốt	
18	Võ Thị Hà Trang	08/03/2000	67	Trung bình	
19	Nguyễn Minh Tú	07/06/2003	79	Khá	
20	Phạm Thị Yến	28/09/2003	75	Khá	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1 (2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	1	5.0
2	Tốt	11	55.0
3	Khá	4	20.0
4	Trung bình	4	20.0
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		20	100.0

NGƯỜI LẬP

Trịnh Thị Khuyên

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ái Hương

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K11A3

Học kỳ I - Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	KỲ 3 (2021-2024)		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Đào Nhữ Kiều Anh	23/11/2003	83	Tốt	
2	Lê Thị Hồng Duyên	03/05/2003	81	Tốt	
3	Kiều Thu Hằng	17/08/2003	88	Tốt	
4	Nguyễn Thu Hiền	14/08/2003	81	Tốt	
5	Nguyễn Thanh Hương	20/05/2000	83	Tốt	
6	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	04/12/2003	81	Tốt	
7	Phạm Thị Kim Khánh	16/11/2003	81	Tốt	
8	Trịnh Thùy Linh	09/06/2003	91	Xuất sắc	
9	Đỗ Thị Ngân	24/06/2003	83	Tốt	
10	Lê Thị Ngọc	02/10/2003	82	Tốt	
11	Phan Thị Thanh Ngọc	09/02/2003	81	Tốt	
12	Nguyễn Yến Nhi	08/12/2003	84	Tốt	
13	Trần Như Quỳnh	19/04/2003	80	Tốt	
14	Nguyễn Thị Thái	22/02/2003	81	Tốt	
15	Bùi Thị Thanh Thảo	30/01/2003	82	Tốt	
16	Đỗ Phương Thảo	11/08/2003	91	Xuất sắc	
17	Từ Thị Minh Thu	25/10/2003	79	Khá	
18	Nguyễn Thị Thu Trang	22/10/2003	79	Khá	
19	Phạm Thị Thu Trang	23/03/2003	81	Tốt	
20	Nguyễn Thị Uyên	17/07/2003	81	Tốt	
21	Nguyễn Đồng Vinh	27/11/2002	74	Khá	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1 (2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	2	9.5
2	Tốt	16	76.2
3	Khá	3	14.3
4	Trung bình	0	0.0
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		21	100.0

NGƯỜI LẬP

Trịnh Thị Khuyên

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ái Hương

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K11A4
Học kỳ I - Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	KỲ 3 (2021-2024)		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Nguyễn Đặng Vân Anh	29/07/2003	76	Khá	
2	Nguyễn Thị Lan Anh	27/07/2003	76	Khá	
3	Lê Thị Hồng Ánh	22/10/2003	68	Trung bình	
4	Hoàng Gia Bảo	13/07/2003	77	Khá	
5	Phạm Thùy Dương	09/08/2003	80	Tốt	
6	Ngô Thị Huyền	07/08/2002	95	Xuất sắc	
7	Nguyễn Thị Linh	19/02/2003	80	Tốt	
8	Nguyễn Trà My	16/01/2003	77	Khá	
9	Phạm Thị My	03/05/2003	70	Khá	
10	Lê Thúy Nguyệt	02/12/2003	71	Khá	
11	Đậu Thị Phương Nhi	13/11/2003	68	Trung bình	
12	Hoàng Kim Ngân	27/09/2003	75	Khá	
13	Trần Bùi Tú Nhi	25/05/2003	78	Khá	
14	Tổng Bá Quân	22/08/2003	75	Khá	
15	La Diễm Quỳnh	09/02/2003	83	Tốt	
16	Phùng Lê Thu	06/09/2003	80	Tốt	
17	Mai Thu Quỳnh	25/01/2003	73	Khá	
18	Kiều Anh Thư	06/10/2003	89	Tốt	
19	Nguyễn Thị Minh Thư	18/11/2003	83	Tốt	
20	Nguyễn Thúy Thúy	04/04/2003	76	Khá	
21	Hoàng Ngọc Trâm	02/07/2003	77	Khá	
22	Phạm Quang Trung	29/04/2003	58	Trung bình	
23	Phan Thị Cẩm Tú	10/07/2003	78	Khá	
24	Lương Thị Hồng Vân	16/09/2003	77	Khá	
25	Nguyễn Thảo Vân	15/10/2003	76	Khá	
26	Lê Như Ý	12/01/2003	90	Xuất sắc	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1 (2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	2	7.7
2	Tốt	6	23.1
3	Khá	15	57.7
4	Trung bình	3	11.5
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		26	100.0

NGƯỜI LẬP



Trần Thị Kiều

TP.CTCT&QLHSSV



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K11A6

Học kỳ I - Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	KỲ 3 (2021-2024)		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Lê Thị Hồng Ân	09/10/2003	81	Tốt	
2	Hoàng Tuấn Anh	19/03/2003	80	Tốt	
3	Lê Tuấn Anh	01/06/2003	83	Tốt	
4	Tạ Thị Lan Anh	10/09/2003	80	Tốt	
5	Phùng Thành Đạt	12/02/2003	80	Tốt	
6	Nguyễn Thị Dưỡng	08/12/2002	83	Tốt	
7	Nguyễn Thị Hằng	22/01/2003	85	Tốt	
8	Nguyễn Thị Hồng	07/09/2003	85	Tốt	
9	Nguyễn Tất Hùng	28/08/2003	74	Khá	
10	Mai Khánh Huyền	14/07/2003	83	Tốt	
11	Vũ Thị Khánh Ly	11/01/2003	92	Xuất sắc	
12	Nguyễn Thị Nhài	24/11/2003	81	Tốt	
13	Đặng Thị Yến Nhi	07/08/2003	83	Tốt	
14	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	01/07/2003	83	Tốt	
15	Nguyễn Thị Nụ	23/10/2003	84	Tốt	
16	Ngô Thị Huyền Phương	03/10/1996	79	Khá	
17	Trần Thị Thảo	07/03/2003	91	Xuất sắc	
18	Phạm Thị Anh Thơ	15/09/2000	95	Xuất sắc	
19	Vũ Thị Minh Thư	11/03/2003	80	Tốt	
20	Nguyễn Thị Lệ Thủy	13/08/2003	83	Tốt	
21	Nguyễn Thu Trang	05/06/2003	80	Tốt	
22	Nguyễn Xuân Trí	08/01/2003	82	Tốt	
23	Nguyễn Lam Trường	07/08/2003	81	Tốt	
24	Bùi Đăng Kiên Tuấn	01/12/2002	77	Khá	
25	Trương Hải Vân	20/10/2003	92	Xuất sắc	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1 (2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	4	16.0
2	Tốt	18	72.0
3	Khá	3	12.0
4	Trung bình	0	0.0
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		25	100.0

NGƯỜI LẬP



Trịnh Thị Huyền

TP.CTCT&QLHSSV



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K11A8
Học kỳ I - Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	KỲ 3 (2021-2024)		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Ngô Ngọc Anh	02/02/2003	91	Xuất sắc	
2	Nguyễn Đức Anh	25/09/2003	79	Khá	
3	Phạm Thị Lan Anh	12/07/2003	84	Tốt	
4	Nguyễn Thị Duyên	19/6/2000	81	Tốt	
5	Phạm Lê Hải	04/06/2003	80	Tốt	
6	Hoàng Minh Hiếu	16/01/2003	81	Tốt	
7	Ngô Thị Ngọc Huyền	18/04/2003	83	Tốt	
8	Nguyễn Thị Lan	30/12/2003	80	Tốt	
9	Đỗ Thùy Linh	12/01/2003	81	Tốt	
10	Nguyễn Thị Linh	29/12/1998	84	Tốt	
11	Nguyễn Thị Khánh Linh	14/9/2003	78	Khá	
12	Phạm Thùy Linh	03/01/2003	71	Khá	
13	Vũ Thị Thùy Linh	10/06/1999	83	Tốt	
14	Nguyễn Thị Tuyết Mai	11/03/2003	85	Tốt	
15	Nguyễn Thị Nga	18/01/2003	88	Tốt	
16	Chu Thị Thúy Ngân	20/03/2003	82	Tốt	
17	Nguyễn Ánh Ngọc	31/03/2003	83	Tốt	
18	Chu Thị Hồng Nhung	14/12/2003	84	Tốt	
19	Đinh Thị Nhung	03/11/2003	84	Tốt	
20	Bùi Thị Phụng	02/7/2003	83	Tốt	
21	Bùi Phương Thảo	25/01/2002	84	Tốt	
22	Đỗ Thị Thanh Thảo	19/11/2003	80	Tốt	
23	Nguyễn Thị Thảo	31/05/2003	81	Tốt	
24	Đặng Thị Trang	17/05/2003	92	Xuất sắc	
25	Mai Thị Thu Trang	25/11/2003	84	Tốt	
26	Đinh Quang Tùng	06/12/2003	85	Tốt	
27	Tạ Thị Thúy Tuyền	15/05/2003	83	Tốt	
STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1 (2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)		
1	Xuất sắc	2	7.4		
2	Tốt	22	81.5		
3	Khá	3	11.1		
4	Trung bình	0	0.0		
5	Yếu	0	0.0		
Tổng số SV		27	100.0		

NGƯỜI LẬP

Trịnh Thu Huyền

TP.CTCT&QLHSSV



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K11A9
Học kỳ I - Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	KỲ 3 (2021-2024)		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Nguyễn Đức An	17/12/2003	73	Khá	
2	Bạch Thị Vân Anh	21/02/2003	79	Khá	
3	Lê Hồng Anh	18/12/2003	78	Khá	
4	Nguyễn Hương Giang	10/10/2003	79	Khá	
5	Phạm Thị Hà	15/06/2003	82	Tốt	
6	Đào Thị Hồng Hạnh	26/08/2003	74	Khá	
7	Phùng Thị Hồng	09/05/2003	81	Tốt	
8	Lê Thị Kim Huệ	01/09/2003	79	Khá	
9	Lê Quang Huy	24/7/2003	77	Khá	
10	Trịnh Thị Mỹ Lệ	05/12/2003	79	Khá	
11	Đậu Thị Linh	01/11/2003	80	Tốt	
12	Nguyễn Thị Hồng Linh	05/4/2001	80	Tốt	
13	Vũ Thị Ly	05/01/2003	83	Tốt	
14	Đinh Thị Ngọc Mai	01/12/2003	78	Khá	
15	Đỗ Thị Du Mỹ	04/12/2002	89	Tốt	
16	Dương Thị Yến Nhi	17/10/2003	83	Tốt	
17	Nguyễn Tú Quyên	22/06/2003	79	Khá	
18	Nguyễn Thị Thu Thảo	20/11/2003	77	Khá	
19	Phạm Thị Phương Thảo	18/10/2003	83	Tốt	
20	Đỗ Ngân Thoa	11/06/1999	80	Tốt	
21	Nguyễn Thị Thương	12/7/2003	82	Tốt	
22	Trần Thị Tuyền	17/02/1999	91	Xuất sắc	
23	Trần Thị Phương Uyên	26/9/2002	91	Xuất sắc	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1 (2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	2	8.7
2	Tốt	10	43.5
3	Khá	11	47.8
4	Trung bình	0	0.0
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		23	100.0

NGƯỜI LẬP

Trịnh Thị Khuyên

TP.CTCT&QLHSSV

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K11A10

Học kỳ I - Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	KỲ 3 (2021-2024)		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Đỗ Thị Vân Anh	18/01/2003	93	Xuất sắc	
2	Đặng Thùy Dương	22/12/2003	92	Xuất sắc	
3	Nguyễn Hương Giang	12/04/2003	76	Khá	
4	Trịnh Trà Giang	12/01/2003	81	Tốt	
5	Nguyễn Thị Hiền	31/10/2003	81	Tốt	
6	Lê Thị Thu Hằng	21/11/2003	79	Khá	
7	Dương Thị Hoài	15/12/2003	90	Xuất sắc	
8	Lưu Ngọc Huyền	04/5/2003	92	Xuất sắc	
9	Nguyễn Thị Mai Linh	24/03/2003	81	Tốt	
10	Nguyễn Thùy Linh	08/01/2003	79	Khá	
11	Đặng Thị Trà My	03/09/2003	81	Tốt	
12	Đinh Thị Bích Ngọc	06/01/2003	85	Tốt	
13	Bùi Thị Bích Nụ	09/10/2003	96	Xuất sắc	
14	Lương Thu Phương	16/9/2003	81	Tốt	
15	Tô Trần Thảo Phương	20/12/2002	79	Khá	
16	Lưu Thị Thơm	04/10/2003	76	Khá	
17	Bùi Thị Mai Thương	08/7/2003	79	Khá	
18	Nguyễn Hạnh Thiên Trang	30/4/2003	79	Khá	
19	Nguyễn Thu Trang	09/10/2003	76	Khá	
20	Nguyễn Xuân Trường	03/12/2003	81	Tốt	
21	Phạm Hữu Vũ	21/7/2003	93	Xuất sắc	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1 (2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	6	28.6
2	Tốt	7	33.3
3	Khá	8	38.1
4	Trung bình	0	0.0
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		21	100.0

NGƯỜI LẬP

TP.CTCT&QLHSSV

Trịnh Thị Khuyên

Nguyễn Thị Ái Hương



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K11A11

Học kỳ I - Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	KỲ 3 (2021-2024)		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Phạm Tiến Đại	15/05/2003	83	Tốt	
2	Nguyễn Thị Thanh Đoàn	04/03/2003	82	Tốt	
3	Bùi Thị Hương Giang	05/08/2003	92	Xuất sắc	
4	Lê Thị Hoa	24/06/2003	83	Tốt	
5	Vũ Thị Minh Huệ	28/11/2003	83	Tốt	
6	Ngô Thị Lan Hương	04/01/2003	81	Tốt	
7	Nguyễn Thị Lan Hương	19/08/2003	83	Tốt	
8	Nguyễn Văn Lâm	04/7/2003	79	Khá	
9	Đoàn Thị Linh	05/02/2000	80	Tốt	
10	Ngô Tô Linh	29/11/2002	81	Tốt	
11	Đặng Thị Luyến	29/05/2003	82	Tốt	
12	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	18/11/2003	82	Tốt	
13	Đinh Hồng Ngọc	18/6/2001	76	Khá	
14	Nguyễn Thị Bích Ngọc	06/09/2003	93	Xuất sắc	
15	Đặng Hà Nhi	19/05/2002	92	Xuất sắc	
16	Nguyễn Thị Hồng Nhung	04/11/2003	76	Khá	
17	Bồ Thị Hương Trà	05/11/2003	76	Khá	
18	Phạm Thị Thu Trang	02/11/2003	79	Khá	
19	Tạ Hoàng Yến	25/12/2003	81	Tốt	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1 (2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	3	15.8
2	Tốt	11	57.9
3	Khá	5	26.3
4	Trung bình	0	0.0
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		19	100.0

NGƯỜI LẬP

Trịnh Thị Khuyên

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ái Hương



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K11A12

Học kỳ I - Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	KỲ 3 (2021-2024)		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Đặng Ngọc Anh	03/02/2003	80	Tốt	
2	Nguyễn Duy Anh	09/10/2003	87	Tốt	
3	Đào Quang Ánh	01/06/2003	91	Xuất sắc	
4	Nguyễn Đăng Thành Cao	04/03/2003	80	Tốt	
5	Bùi Thị Dịu	01/11/2003	83	Tốt	
6	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	14/10/2003	80	Tốt	
7	Nguyễn Văn Khánh	28/03/2003	84	Tốt	
8	Nguyễn Thị Thanh Mai	06/04/2003	81	Tốt	
9	Nguyễn Thị My	27/08/2003	94	Xuất sắc	
10	Nguyễn Thị Oanh	12/10/2003	82	Tốt	
11	Nguyễn Thị Thu Phương	05/01/2003	80	Tốt	
12	Nguyễn Thị Tiểu Quyên	02/01/2003	80	Tốt	
13	Bùi Thị Thu Quỳnh	16/11/2003	84	Tốt	
14	Trịnh Lam Sơn	06/06/2003	81	Tốt	
15	Đặng Thị Thu Thảo	30/05/2003	82	Tốt	
16	Vương Thị Thêm	03/08/2002	77	Khá	
17	Lê Ngô Hồng Thư	08/12/2003	83	Tốt	
18	Mai Thị Minh Thư	14/06/2003	78	Khá	
19	Vũ Thị Thùy	11/10/2003	89	Tốt	
20	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	09/09/2002	86	Tốt	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1 (2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	2	10.0
2	Tốt	16	80.0
3	Khá	2	10.0
4	Trung bình	0	0.0
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		20	100.0

NGƯỜI LẬP

Trịnh Thị Khuyên

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ái Hương



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K11A13

Học kỳ I - Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	KỲ 3 (2021-2024)		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Phạm Thị Lan Anh	29/5/2002	80	Tốt	
2	Tuấn Phương Anh	20/8/2003	65	Trung bình	
3	Tô Đoàn Trọng Đại	16/12/2002	86	Tốt	
4	Đặng Thùy Dương	27/10/2002	92	Xuất sắc	
5	Tạ Thu Hằng	29/03/2003	76	Khá	
6	Trần Thị Hoài	15/5/2003	84	Tốt	
7	Nguyễn Thị Hạnh	23/2/2002	81	Tốt	
8	Bùi Thị Hoàn	04/6/2003	81	Tốt	
9	Nguyễn Thị Minh Hồng	27/02/2003	80	Tốt	
10	Tạ Thị Mai Hương	05/4/2003	92	Xuất sắc	
11	Lê Thị Thương Huyền	21/02/2003	84	Tốt	
12	Phùng Thùy Linh	27/09/2003	71	Khá	
13	Ngô Thị Mai	26/11/2003	84	Tốt	
14	Nguyễn Ngọc Mai	18/12/2003	87	Tốt	
15	Trần Phương Mai	29/9/2003	71	Khá	
16	Nguyễn Thị Ngân	03/12/2003	89	Tốt	
17	Cần Thị Ngọc	01/1/2003	80	Tốt	
18	Lê Hồng Phúc	18/11/2003	82	Tốt	
19	Nguyễn Thị Thoan	24/01/2003	85	Tốt	
20	Đinh Thị Thanh Thúy	13/01/2003	88	Tốt	
21	Nguyễn Xuân Thế	24/11/1999	71	Khá	
22	Bùi Đức Toàn	22/4/2003	78	Khá	
23	Nguyễn Hải Yến	19/07/2003	78	Khá	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1 (2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	2	8.7
2	Tốt	14	60.9
3	Khá	6	26.1
4	Trung bình	1	4.3
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		23	100.0

NGƯỜI LẬP

Trịnh Thị Huyền

TP.CTCT&QLHSSV



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K11A14
Học kỳ I - Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	KỲ 3 (2021-2024)		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Khúc Thị Vân Anh	12/01/2003	79	Khá	
2	Nguyễn Quốc Bảo	20/12/2003	80	Tốt	
3	Phùng Thị Hiền	04/08/2003	91	Xuất sắc	
4	Nguyễn Thị Thu Huyền	08/07/2003	80	Tốt	
5	Trần Thu Huyền	19/08/2001	90	Xuất sắc	
6	Nguyễn Quốc Khánh	17/11/2003	77	Khá	
7	Nguyễn Ngọc Kim	23/12/2003	75	Khá	
8	Nguyễn Thị Thùy Linh	12/11/1986	83	Tốt	
9	Nguyễn Thị Mai	05/08/2003	91	Xuất sắc	
10	Trần Thị Mai	03/11/1998	75	Khá	
11	Nguyễn Hoàng My	19/10/2002	70	Khá	
12	Phạm Anh Quốc	24/5/2003	91	Xuất sắc	
13	Đoàn Thị Quyên	02/07/2003	80	Tốt	
14	Trần Mạnh Sơn	25/05/2003	70	Khá	
15	Lê Thị Thúy	13/12/2003	79	Khá	
16	Nguyễn Thị Khải Vi	06/9/2003	78	Khá	
17	Nguyễn Thị Viên	22/05/2003	81	Tốt	
18	Nguyễn Hoài Phương	28/5/2003	78	Khá	
19	Đỗ Thị Hồng Vân	18/08/1998	80	Tốt	
20	Phạm Thị Thanh Tuyền	03/12/2003	80	Tốt	
21	Nguyễn Thị Minh Huyền	25/08/2003	71	Khá	
22	Tạ Thị Hải Đăng	03/12/2001	80	Tốt	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1 (2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	4	18.2
2	Tốt	8	36.4
3	Khá	10	45.5
4	Trung bình	0	0.0
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		22	100.0

NGƯỜI LẬP

Trịnh Thị Khuyên

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ái Hương



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K11A15

Học kỳ I - Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	KỲ 3 (2021-2024)		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Chu Thị Lan Anh	24/07/1996	93	Xuất sắc	
2	Nguyễn Tuấn Anh	11/11/1999	81	Tốt	
3	Vũ Thị Xuân Hòa	23/10/2003	87	Tốt	
4	Lê Thu Hoài	21/08/2003	81	Tốt	
5	Hoàng Thị Thu Hường	08/04/2003	84	Tốt	
6	Trần Thị Thanh Lan	12/7/2003	73	Khá	
7	Lê Thị Thu Huyền	03/09/2003	85	Tốt	
8	Nguyễn Thị Lan	13/4/2003	84	Tốt	
9	Quách Thị Diệu Linh	14/11/2003	78	Khá	
10	Trần Thị Thùy Linh	04/4/2002	80	Tốt	
11	Nguyễn Thị Mai	09/5/2003	88	Tốt	
12	Lê Thị Kiều Oanh	19/11/2003	82	Tốt	
13	Nguyễn Tiến Sơn	06/7/2000	70	Khá	
14	Trần Thị Minh Tâm	02/7/2003	77	Khá	
15	Vũ Cao Thiện	13/03/2003	82	Tốt	
16	Nguyễn Thị Thương	28/09/2003	92	Xuất sắc	
17	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	03/07/2003	81	Tốt	
18	Đoàn Thị Trang	08/07/1999	82	Tốt	
19	Nguyễn Thị Huyền Trang	22/06/2003	77	Khá	
20	Nguyễn Thị Thu Trang	16/08/2003	82	Tốt	
21	Vũ Thị Hồng Trang	01/03/2003	70	Khá	
22	Phạm Minh Tùng	26/10/2003	73	Khá	
23	Nguyễn Thị Tươi	28/6/2002	84	Tốt	
24	Vũ Thị Tố Uyên	13/01/2003	87	Tốt	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1 (2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	2	8.3
2	Tốt	15	62.5
3	Khá	7	29.2
4	Trung bình	0	0.0
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		24	100.0

NGƯỜI LẬP



Trịnh Thị Khuyến

TP.CTCT&QLHSSV



HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG HỘ SINH K8A

Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ 3 (2021-2024)		HỌC KỲ 4 (2021-2024)	
			Tổng điểm	Xếp loại	Tổng điểm	Xếp loại
1	Lê Thị Tâm Anh	05/11/2003	82	Tốt	81	Tốt
2	Đàm Kim Chi	06/8/2003	82	Tốt	81	Tốt
3	Vũ Thu Hà	14/06/2003	82	Tốt	82	Tốt
4	Vũ Thanh Huyền	30/9/2003	93	Xuất sắc	90	Xuất sắc
5	Trần Thị Mai Ngọc	17/04/1995	92	Xuất sắc	92	Xuất sắc
6	Nguyễn Như Quỳnh	15/07/2002	92	Xuất sắc	92	Xuất sắc
7	Vũ Thanh Trà	17/11/2003	82	Tốt	81	Tốt
8	Tạ Thị Thanh Tú	13/03/2000	78	Khá	70	Khá

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1 (2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	3	37.5
2	Tốt	4	50.0
3	Khá	1	12.5
4	Trung bình	0	0.0
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		8	100.0

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 2 (2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	3	37.5
2	Tốt	4	50.0
3	Khá	1	12.5
4	Trung bình	0	0.0
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		8	100.0

NGƯỜI LẬP

Trịnh Thị Khuyên

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ái Hương



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K12A1

Học kỳ I - Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ 1 (2022-2023)		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Đặng Quốc Anh	19/7/2003	73	Khá	
2	Đỗ Thị Phương Anh	22/7/2004	78	Khá	
3	Nguyễn Tuấn Anh	01/1/2002	86	Tốt	
4	Hoàng Thị Hồng Ánh	27/3/2004	70	Khá	
5	Nguyễn Ngọc Thùy Dương	26/12/2004	86	Tốt	
6	Nguyễn Thanh Hà	13/3/2004	78	Khá	
7	Phạm Thị Huyền	15/6/2004	72	Khá	
8	Nguyễn Phụng Lâm	15/02/2004	88	Tốt	
9	Lý Thị Thùy Linh	24/01/2001	69	Trung bình	
10	Nguyễn Ngọc Linh	18/6/2004	75	Khá	
11	Phạm Thùy Linh	03/10/2004	80	Tốt	
12	Trần Thị Lương	27/12/2004	82	Tốt	
13	Đỗ Thị Lý	04/3/2003	78	Khá	
14	Vũ Nhật Minh	30/5/2004	68	Trung bình	
15	Trần Thị Kim Ngân	01/11/2004	69	Trung bình	
16	Nguyễn Hoài Phương	04/3/2004	76	Khá	
17	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	03/11/2004	88	Tốt	
18	Nguyễn Thị Anh Thơ	23/3/2004	73	Khá	
19	Hoàng Thị Trang	03/9/2004	90	Xuất sắc	
20	Hoàng Thu Trang	22/8/2004	90	Xuất sắc	
21	Phạm Thị Trang	23/6/2004	88	Tốt	
22	Lâm Phi Yến	10/01/2004	68	Trung bình	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1 (2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	2	9.1
2	Tốt	7	31.8
3	Khá	9	40.9
4	Trung bình	4	18.2
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		22	100.0

NGƯỜI LẬP

Trịnh Thị Khuyên

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ái Hương



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K12A2

Học kỳ I - Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ 1 (2022-2023)		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Trần Thị Ngọc Anh	15/10/2004	72	Khá	
2	Trương Minh Anh	29/02/2004	72	Khá	
3	Lê Chí Bảo	04/9/2004	84	Tốt	
4	Bạch Ngọc Bình	15/11/2004	80	Tốt	
5	Hoàng Thị Mai Chi	25/10/2003	88	Tốt	
6	Nguyễn Mỹ Duyên	12/12/2004	78	Khá	
7	Trần Thị Mỹ Duyên	10/6/2003	87	Tốt	
8	Nguyễn Thị Hương Giang	13/12/2004	76	Khá	
9	Hoàng Thị Thu Hiền	04/9/2004	70	Khá	
10	Nguyễn Thị Hồng Hoa	14/7/2004	88	Tốt	
11	Nguyễn Thị Thương Hoàn	17/3/2004	70	Khá	
12	Đinh Thị Thu Hương	04/12/2004	75	Khá	
13	Đặng Thị Liên	07/3/2004	70	Khá	
14	Nguyễn Thị Kim Liên	13/9/2004	73	Khá	
15	Phạm Thị Kim Liên	10/01/2004	72	Khá	
16	Mai Nguyễn Nhật Minh	10/10/2004	79	Khá	
17	Nguyễn Hồng Ngọc	02/12/2004	75	Khá	
18	Nguyễn Yến Nhi	28/5/2004	77	Khá	
19	Lưu Yến Nhi	19/11/2004	73	Khá	
20	Vũ Thanh Thủy	20/12/2004	89	Tốt	
21	Nguyễn Thu Trang	20/12/2004	74	Khá	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1(2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	0	0.0
2	Tốt	6	28.6
3	Khá	15	71.4
4	Trung bình	0	0.0
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		21	100.0

NGƯỜI LẬP

TP.CTCT&QLHSSV

HIỆU TRƯỞNG

Trịnh Thị Khuyên

Nguyễn Thị Ái Hương



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K12A3

Học kỳ I - Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ 1 (2022-2023)		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Lưu Thị Hải Anh	01/8/2003	92	Xuất sắc	
2	Nguyễn Quế Anh	20/10/2004	92	Xuất sắc	
3	Phạm Thị Ngọc Ánh	10/9/2004	82	Tốt	
4	Nguyễn Thị Bích Giang	30/5/2003	88	Tốt	
5	Đàm Thúy Hà	16/11/2004	73	Khá	
6	Lưu Ngọc Hà	17/8/2004	76	Khá	
7	Hà Thu Hiền	15/10/2003	82	Tốt	
8	Trần Thị Hòa	24/6/2002	83	Tốt	
9	Trần Thị Huệ	02/12/2004	83	Tốt	
10	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	27/7/2004	75	Khá	
11	Nguyễn Thùy Linh	11/8/2004	73	Khá	
12	Vũ Ngọc Linh	01/11/2004	75	Khá	
13	Nguyễn Hà Ly	10/7/2004	77	Khá	
14	Đặng Quốc Minh	03/10/2004	77	Khá	
15	Phan Công Minh	23/9/2004	73	Khá	
16	Nguyễn Thị Nga	25/11/2004	82	Tốt	
17	Nguyễn Thị Hồng Nhung	24/5/2004	82	Tốt	
18	Nguyễn Thu Phụng	26/11/2004	82	Tốt	
19	Nguyễn Thị Tâm	15/4/2002	71	Khá	
20	Đào Quý Tài	05/1/2004	74	Khá	
21	Phạm Hoài Thanh	18/9/2004	78	Khá	
22	Vũ Thị Phương Thảo	11/8/2004	80	Tốt	
23	Nguyễn Thị Trinh	19/12/2004	70	Khá	
24	Lê Thị Vui	14/02/2003	92	Xuất sắc	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1(2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	3	12.5
2	Tốt	9	37.5
3	Khá	12	50.0
4	Trung bình	0	0.0
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		24	100.0

NGƯỜI LẬP

TP.CTCT&QLHSSV

HIỆU TRƯỞNG

Trịnh Thị Huyền

JA



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K12A4

Học kỳ I - Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ 1 (2022-2023)		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Nguyễn Hải Bình	22/7/2004	75	Khá	
2	Phùng Thị Quỳnh Châu	30/9/2004	61	Trung bình	
3	Nguyễn Thị Thùy Dung	20/3/2004	77	Khá	
4	Nguyễn Thùy Dung	29/2/2004	80	Tốt	
5	Hà Hồng Dương	06/12/2004	78	Khá	
6	Nguyễn Văn Duy	25/5/2004	79	Khá	
7	Nguyễn Thị Thu Hiền	30/10/2004	81	Tốt	
8	Hồ Thị Hương	24/02/2004	81	Tốt	
9	Nguyễn Khánh Linh	02/9/2004	79	Khá	
10	Nguyễn Khánh Linh	02/01/2004	79	Khá	
11	Vũ Thị Quỳnh Linh	15/01/2004	77	Khá	
12	Hoàng Thị Mai	03/12/2004	78	Khá	
13	Nguyễn Phương Nam	01/6/2004	78	Khá	
14	Lê Thị Hồng Ngọc	11/02/2004	77	Khá	
15	Nguyễn Thị Phương Thảo	07/8/2004	81	Tốt	
16	Bùi Thị Thư	05/02/2003	89	Tốt	
17	Nguyễn Thị Linh Trang	27/9/2004	92	Xuất sắc	
18	Phạm Thị Trang	29/4/2004	76	Khá	
19	Lê Thanh Tùng	15/02/2004	72	Khá	
20	Lê Thị Ánh Tuyết	11/9/2004	75	Khá	
21	Nguyễn Thị Mai Phương	06/7/2003	76	Khá	
22	Nguyễn Thị Hải Yến	30/7/2004	84	Tốt	
23	Phạm Thị Yến	02/10/2004	90	Xuất sắc	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1(2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	2	8.7
2	Tốt	6	26.1
3	Khá	14	60.9
4	Trung bình	1	4.3
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		23	100.0

NGƯỜI LẬP

Trịnh Thị Khuyên

TP.CTCT&QLHSSV



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K12A5

Học kỳ I - Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ 1 (2022-2023)		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Hà Ngọc Ánh	16/5/2004	81	Tốt	
2	Phan Bảo Chi	06/6/2004	82	Tốt	
3	Phạm Hùng Cường	29/2/2000	81	Tốt	
4	Đinh Hương Diễm	09/7/2004	81	Tốt	
5	Nguyễn Anh Dũng	16/7/2004	80	Tốt	
6	Ngô Thị Thanh Duyên	03/11/2004	90	Xuất sắc	
7	Đặng Văn Giáp	09/8/2004	76	Khá	
8	Vũ Nguyệt Hằng	06/6/2004	79	Khá	
9	Đỗ Thị Diệu Huyền	20/6/2004	87	Tốt	
10	Nguyễn Quốc Khánh	01/9/2004	74	Khá	
11	Nguyễn Thị Liên	05/4/2004	79	Khá	
12	Khuất Thị Diệu Linh	29/5/2004	83	Tốt	
13	Nguyễn Thị Linh	25/1/2003	73	Khá	
14	Đỗ Quỳnh Nga	02/10/2004	83	Tốt	
15	Trần Thị Trà My	03/11/2004	82	Tốt	
16	Hoàng Thu Phương	06/6/2004	81	Tốt	
17	Trần Phương Thảo	15/4/2004	81	Tốt	
18	Trần Trí Thuận	18/6/2004	70	Khá	
19	Nguyễn Thanh Thúy	14/3/2004	82	Tốt	
20	Trịnh Thị Thùy	20/11/2004	82	Tốt	
21	Trần Thị Thanh Viên	08/1/2004	81	Tốt	
22	Trịnh Quang Vinh	01/11/2004	67	Trung bình	
23	Vũ Thị Yến	17/2/2002	82	Tốt	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1(2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	1	4.3
2	Tốt	15	65.2
3	Khá	6	26.1
4	Trung bình	1	4.3
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		23	100.0

NGƯỜI LẬP

Trịnh Thị Huyền

TP.CTCT&QLHSSV

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K12A6

Học kỳ I - Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ 1 (2022-2023)		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Nguyễn Lan Anh	20/2/2004	82	Tốt	
2	Nguyễn Phương Anh	13/10/2004	74	Khá	
3	Nguyễn Minh Đại	07/2/2004	70	Khá	
4	Lê Thị Hằng	07/6/2004	70	Khá	
5	Nguyễn Thị Hoài	05/6/2004	73	Khá	
6	Hán Thị Hồng	21/2/2004	86	Tốt	
7	Hán Thị Huệ	21/2/2004	81	Tốt	
8	Lê Thị Khánh Linh	19/11/2004	69	Trung bình	
9	Lê Thùy Linh	01/5/2004	71	Khá	
10	Phạm Ngọc Linh	12/10/2003	67	Trung bình	
11	Bùi Thị Trà My	30/4/2004	78	Khá	
12	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	24/9/2004	76	Khá	
13	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	15/11/2003	80	Tốt	
14	Bùi Thị Thiều	28/3/2004	77	Khá	
15	Trần Thị Ngọc Thùy	01/11/2004	76	Khá	
16	Hoàng Trung Thực	01/9/2004	75	Khá	
17	Trần Thu Trang	17/11/2002	87	Tốt	
18	Trần Thu Trang	11/3/2004	70	Khá	
19	Đinh Thị Cẩm Tú	19/10/2003	75	Khá	
20	Bùi Thị Thảo Vân	15/4/2003	75	Khá	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1(2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	0	0.0
2	Tốt	5	25.0
3	Khá	13	65.0
4	Trung bình	2	10.0
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		20	100.0

NGƯỜI LẬP

Trịnh Thị Khuyên

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ái Hương



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K12A7

Học kỳ I - Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ 1 (2022-2023)		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Đặng Thị Vân Anh	16/10/2004	75	Khá	
2	Lê Thị Tú Anh	18/3/2004	74	Khá	
3	Lê Thị Ngọc Ánh	28/11/2004	75	Khá	
4	Đặng Nguyễn Hoàng Dũng	10/1/2004	70	Khá	
5	Lò Thị Ánh Dương	30/10/2003	76	Khá	
6	Phạm Thị Dương	29/4/2004	66	Trung bình	
7	Trần Thị Thanh Hiền	05/10/2004	77	Khá	
8	Đinh Thị Diệu Linh	28/11/2004	75	Khá	
9	Phùng Diệu Linh	13/4/2004	75	Khá	
10	Hoàng Bích Loan	10/10/2003	75	Khá	
11	Nguyễn Khánh Ly	04/8/2004	76	Khá	
12	Nguyễn Thị Ly	23/11/2004	78	Khá	
13	Lê Thị Phương Minh	22/12/2004	88	Tốt	
14	Nguyễn Thị Thanh Nhân	10/2/2004	86	Tốt	
15	Đỗ Hồng Nhung	22/9/2003	77	Khá	
16	Vũ Thị Thanh Phương	07/4/2004	87	Tốt	
17	Trần Thị Hồng Phượng	08/3/2003	77	Khá	
18	Vương Thị Tâm	30/6/2004	78	Khá	
19	Chu Như Thanh	17/6/2002	85	Tốt	
20	Phạm Thị Thanh Thảo	26/11/2004	77	Khá	
21	Nguyễn Thị Viên	18/6/2004	87	Tốt	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1(2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	0	0.0
2	Tốt	5	23.8
3	Khá	15	71.4
4	Trung bình	1	4.8
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		21	100.0

NGƯỜI LẬP

TP.CTCT&QLHSSV

Trịnh Thị Khuyên

Nguyễn Thị Ái Hương



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K12A8

Học kỳ I - Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ 1 (2022-2023)		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Cảnh Chi Bách	08/12/2004	53	Trung bình	
2	Mai Thị Minh Chi	17/3/2004	74	Khá	
3	Trần Thị Đào	13/11/2003	79	Khá	
4	Trình Mạnh Đức	12/9/2004	78	Khá	
5	Chu Thị Khánh Dung	24/11/2003	80	Tốt	
6	Lê Ngọc Dung	16/11/2003	76	Khá	
7	Trần Thanh Dung	29/6/2004	75	Khá	
8	Chu Thị Ánh Dương	19/2/2004	81	Tốt	
9	Nguyễn Thị Ngọc Hải	08/5/2004	91	Xuất sắc	
10	Trần Thị Minh Hạnh	19/12/2003	70	Khá	
11	Lê Minh Hiền	24/6/2004	75	Khá	
12	Lê Hồng Hiệp	01/1/2004	76	Khá	
13	Lê Văn Hiếu	31/10/2000	75	Khá	
14	Lê Việt Hoàng	05/10/1998	75	Khá	
15	Đỗ Khánh Huyền	10/10/2004	70	Khá	
16	Nguyễn Trung Kiên	27/5/2004	75	Khá	
17	Nguyễn Thị Lam	12/1/2004	63	Trung bình	
18	Lê Thị Tú Linh	25/8/2004	91	Xuất sắc	
19	Trần Thị Nga	28/4/2004	82	Tốt	
20	Lê Thị Bích Ngọc	17/11/2001	65	Trung bình	
21	Lê Yến Nhi	04/12/2004	73	Khá	
22	Đỗ Thị Nhung	21/11/2004	76	Khá	
23	Nguyễn Thị Hồng Nhung	08/6/2004	80	Tốt	
24	Lê Thị Như Quỳnh	16/2/2003	82	Tốt	
25	Nguyễn Thu Thảo	15/4/2004	81	Tốt	
26	Dương Thị Hà Vy	16/10/2004	80	Tốt	
STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1(2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)		
1	Xuất sắc	2	7.7		
2	Tốt	7	26.9		
3	Khá	14	53.8		
4	Trung bình	3	11.5		
5	Yếu	0	0.0		
Tổng số SV		26	100.0		

NGƯỜI LẬP

Trần Thị Huyền

TP.CTCT&QLHSSV



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K12A9

Học kỳ I - Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ 1 (2022-2023)		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Đinh Vũ Việt Anh	28/8/2004	78	Khá	
2	Lê Thị Mai Anh	20/8/2004	78	Khá	
3	Trần Việt Anh	13/10/2004	72	Khá	
4	Trần Thùy Dương	31/3/2004	90	Xuất sắc	
5	Phạm Thị Hà	28/4/2004	79	Khá	
6	Bùi Thúy Hào	01/4/2004	80	Tốt	
7	Phùng Thị Thu Hằng	12/9/2004	85	Tốt	
8	Trần Thị Hằng	01/7/2003	78	Khá	
9	Phạm Thị Hiền	16/11/2004	81	Tốt	
10	Trần Thị Thu Hoa	25/12/2004	78	Khá	
11	Nguyễn Thị Hương	01/6/2004	78	Khá	
12	Bùi Thị Huyền	04/3/2002	80	Tốt	
13	Đinh Thị Thanh Huyền	18/10/2004	81	Tốt	
14	Lê Thị Huyền	15/7/2000	79	Khá	
15	Nguyễn Văn Khải	06/01/2004	79	Khá	
16	Trần Vũ Phi Khánh	10/5/2004	73	Khá	
17	Nguyễn Thị Khánh Linh	14/8/2004	79	Khá	
18	Nguyễn Quang Long	28/9/2004	68	Trung bình	
19	Lê Thị Hồng Ngọc	23/2/2004	81	Tốt	
20	Bùi Thị Minh Nguyệt	22/9/2004	79	Khá	
21	Nguyễn Thị Hồng Nhung	14/9/2003	79	Khá	
22	Lê Thị Thu Quỳnh	09/6/2003	82	Tốt	
23	Nguyễn Vũ Như Quỳnh	14/9/2004	78	Khá	
24	Trần Thị Vân Thư	06/11/2004	81	Tốt	
25	Lương Thị Ngọc Trang	23/3/2004	90	Xuất sắc	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1(2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	2	8.0
2	Tốt	8	32.0
3	Khá	14	56.0
4	Trung bình	1	4.0
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		25	100.0

NGƯỜI LẬP

Trinh Thị Huyền

TP.CTCT&QLHSSV



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K12A10

Học kỳ I - Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ 1 (2022-2023)		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Nguyễn Thị Duyên	29/3/2003	71	Khá	
2	Trần Thị Hồng	04/12/2003	83	Tốt	
3	Nguyễn Duyên Hiếu	30/8/2003	91	Xuất sắc	
4	Nguyễn Thu Hương	29/1/2004	76	Khá	
5	Phan Thị Thanh Loan	10/11/2002	80	Tốt	
6	Nguyễn Hồng Lương	16/10/2002	75	Khá	
7	Phùng Thị Hằng Nga	16/6/1994	81	Tốt	
8	Vũ Thị Thúy Nga	25/02/2004	79	Khá	
9	Nguyễn Thị Oanh	18/5/1999	91	Xuất sắc	
10	Phạm Thị Oanh	27/5/2003	70	Khá	
11	Nguyễn Quý Quân	06/7/2002	83	Tốt	
12	Đinh Công Sơn	01/5/2004	75	Khá	
13	Lê Thị Thảo	14/3/2004	80	Tốt	
14	Nguyễn Hương Thảo	31/10/2001	66	Trung bình	
15	Nguyễn Đức Thọ	10/5/2004	54	Trung bình	
16	Đoàn Thị Thùy Trang	01/3/2004	68	Trung bình	
17	Lê Thu Trang	21/9/2004	78	Khá	
18	Phạm Bá Trọng	20/3/2004	75	Khá	
19	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	09/7/2004	75	Khá	
20	Hoàng Thị Hải Yến	09/8/2003	75	Khá	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1(2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	2	10.0
2	Tốt	5	25.0
3	Khá	10	50.0
4	Trung bình	3	15.0
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		20	100.0

NGƯỜI LẬP

Trịnh Thị Khuyên

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ái Hương

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K12A11

Học kỳ I - Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ 1 (2022-2023)		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Hoàng Thị Hải Đường	24/3/2003	81	Tốt	
2	Đặng Thị Mỹ Duyên	05/2/2004	79	Khá	
3	Nguyễn Ngọc Hạnh	27/11/2004	76	Khá	
4	Tô Thị Lan Hương	02/4/2004	80	Tốt	
5	Vi Thị Liên	14/3/2004	78	Khá	
6	Nguyễn Quỳnh Linh	08/6/2004	76	Khá	
7	Nguyễn Thùy Linh	03/12/2004	78	Khá	
8	Nguyễn Thị Lý	17/9/2004	79	Khá	
9	Vàng Thị Mê	09/01/2004	89	Tốt	
10	Nguyễn Hoàng Nam	22/11/2003	70	Khá	
11	Nguyễn Hồng Ngọc	02/12/2003	80	Tốt	
12	Tạ Thị Ngọc Nhi	25/12/2004	79	Khá	
13	Trần Thị Oanh	23/01/2004	80	Tốt	
14	Nguyễn Tiến Phúc	01/3/2003	75	Khá	
15	Đinh Trung Thành	22/01/2004	76	Khá	
16	Nguyễn Thị Thảo	10/7/2004	79	Khá	
17	Mai Đặng Anh Thư	01/1/2004	89	Tốt	
18	Nguyễn Trung Anh Tú	20/10/2003	72	Khá	
19	Trương Thị Tươi	15/7/1998	92	Xuất sắc	
20	Nguyễn Thị Thanh Xuân	19/9/2001	89	Tốt	
21	Đinh Thị Thảo Yến	29/8/2004	88	Tốt	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1(2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	1	4.8
2	Tốt	8	38.1
3	Khá	12	57.1
4	Trung bình	0	0.0
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		21	100.0

NGƯỜI LẬP

Trịnh Thị Chuyên

TP.CTCT&QLHSSV



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K12A12

Học kỳ I - Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ 1 (2022-2023)		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Mông Thị Ngọc Ánh	26/7/2004	76	Khá	
2	Nguyễn Ngọc Ánh	23/4/2004	75	Khá	
3	Nguyễn Thị Hồng Ánh	17/5/2004	78	Khá	
4	Cầm Quỳnh Dương	28/12/2003	71	Khá	
5	Trương Hoàng Dương	28/01/2004	70	Khá	
6	Nguyễn Thị Hương Giang	15/8/2004	76	Khá	
7	Nguyễn Thu Hằng	21/5/2003	85	Tốt	
8	Huỳnh Mai Lan Hương	04/9/2004	87	Tốt	
9	Đặng Thị Hường	25/7/2004	70	Khá	
10	Đỗ Thị Mai Liên	03/2/2004	78	Khá	
11	Trịnh Linh Linh	10/9/2003	76	Khá	
12	Vy Thị Hồng Lua	26/6/2004	76	Khá	
13	Nguyễn Cẩm Ly	14/02/2004	79	Khá	
14	Vương Hương Ly	02/11/2004	72	Khá	
15	Đặng Thị Phương Mai	09/8/2004	75	Khá	
16	Nguyễn Đức Minh	07/12/2004	71	Khá	
17	Hoàng Trúc Ngọc	23/02/2004	70	Khá	
18	Nguyễn Phương Nhung	16/7/2004	76	Khá	
19	Nguyễn Thị Hồng Nhung	27/8/2004	76	Khá	
20	Phùng Thị Phương	28/9/2004	90	Xuất sắc	
21	Nguyễn Thị Thơ	06/8/2003	88	Tốt	
22	Vũ Thị Thơm	19/02/2004	73	Khá	
23	Lê Thị Quỳnh Trang	06/1/2004	74	Khá	
24	Nguyễn Mỹ Uyên	01/3/2004	74	Khá	
25	Đinh Đào Cẩm Vân	04/01/2004	76	Khá	
STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1(2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)		
1	Xuất sắc	1	4.0		
2	Tốt	3	12.0		
3	Khá	21	84.0		
4	Trung bình	0	0.0		
5	Yếu	0	0.0		
Tổng số SV		25	100.0		

NGƯỜI LẬP



Trịnh Thị Huyền

TP.CTCT&QLHSSV



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K12A13

Học kỳ I - Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ 1 (2022-2023)		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Nguyễn Ngân An	23/11/2004	64	Trung bình	
2	Bùi Minh Anh	30/10/2004	91	Xuất sắc	
3	Đặng Vũ Nhật Anh	09/8/2004	64	Trung bình	
4	Ngô Thị Mỹ Duyên	24/01/2004	68	Trung bình	
5	Nguyễn Thị Hằng	27/8/2004	75	Khá	
6	Nguyễn Thu Hiền	02/9/2002	81	Tốt	
7	Hoàng Thị Hoa	21/8/1993	81	Tốt	
8	Phạm Thị Thanh Hoa	04/7/2004	70	Khá	
9	Trần Đức Hùng	18/10/2004	77	Khá	
10	Nguyễn Thị Thu Hương	02/11/2004	90	Xuất sắc	
11	Nguyễn Quang Huy	15/12/2003	76	Khá	
12	Nguyễn Thương Huyền	28/1/2004	81	Tốt	
13	Trịnh Ngọc Lan	16/8/2004	81	Tốt	
14	Nguyễn Thị Mỹ Linh	06/3/2004	92	Xuất sắc	
15	Đoàn Thị Hồng Mai	24/11/2004	82	Tốt	
16	Nguyễn Trà My	24/8/2004	78	Khá	
17	Nguyễn Thị Bích Ngọc	20/12/2004	75	Khá	
18	Nguyễn Thị Phương	03/02/2004	81	Tốt	
19	Tạ Minh Quyên	15/9/2004	76	Khá	
20	Nguyễn Sỹ Quyết	07/01/2004	71	Khá	
21	Nguyễn Thị Như Quỳnh	03/12/2004	90	Xuất sắc	
22	Nguyễn Thị Trang	01/10/2004	78	Khá	
23	Lê Thị Hải Yến	07/10/2004	80	Tốt	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1(2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	4	17.4
2	Tốt	7	30.4
3	Khá	9	39.1
4	Trung bình	3	13.0
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		23	100.0

NGƯỜI LẬP

Trần Thị Huyền

TP.CTCT&QLHSSV



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K12A14

Học kỳ I - Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ 1 (2022-2023)		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Hoàng Minh Ánh	03/4/1999	79	Khá	
2	Nguyễn Ngọc Ánh	21/11/2004	75	Khá	
3	Lê Thùy Chi	09/12/2004	78	Khá	
4	Trần Minh Chiến	26/2/2003	74	Khá	
5	Lê Việt Chinh	02/4/2004	80	Tốt	
6	Đặng Thị Mỹ Duyên	09/7/2004	76	Khá	
7	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	27/7/2004	90	Xuất sắc	
8	Nguyễn Mỹ Hạnh	13/5/2004	75	Khá	
9	Nguyễn Thị Hiền	10/2/2004	72	Khá	
10	Nguyễn Thị Thanh Hoan	12/10/2004	79	Khá	
11	Trần Thu Huyền	06/01/2004	90	Xuất sắc	
12	Lê Thị Linh	16/8/2004	79	Khá	
13	Nguyễn Thị Linh	24/9/2004	78	Khá	
14	Vũ Thị Phương Linh	12/11/2003	74	Khá	
15	Nguyễn Xuân Mai	23/3/2004	77	Khá	
16	Phạm Thị Phương Minh	26/02/2003	79	Khá	
17	Đặng Thị Ngoan	30/5/2004	90	Xuất sắc	
18	Phạm Quỳnh Nhung	30/10/2004	80	Tốt	
19	Đỗ Thị Thanh Sinh	27/3/2004	80	Tốt	
20	Vũ Đức Quyết	20/01/2003	75	Khá	
21	Cao Thị Huyền Trang	26/4/2004	91	Xuất sắc	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1(2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	4	19.0
2	Tốt	3	14.3
3	Khá	14	66.7
4	Trung bình	0	0.0
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		21	100.0

NGƯỜI LẬP

TP.CTCT&QLHSSV

HIỆU TRƯỞNG

Trịnh Thị Khuyên

Nguyễn Thị Ái Hương



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K12A15

Học kỳ I - Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ 1 (2022-2023)		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Trần Thị Dung	26/4/2004	83	Tốt	
2	Nguyễn Thị Hà Duyên	20/7/2003	83	Tốt	
3	Trương Minh Hiếu	22/11/2004	70	Khá	
4	Đặng Thị Thu Huyền	13/2/2004	78	Khá	
5	Hà Mỹ Lệ	17/11/2004	80	Tốt	
6	Hoàng Thị Trà My	10/12/2004	79	Khá	
7	Lưu Thị Nga	16/11/2004	81	Tốt	
8	Nguyễn Thị Nga	30/3/2003	92	Xuất sắc	
9	Phan Thị Thanh Ngân	20/2/2004	81	Tốt	
10	Phạm Thị Ngọc	21/9/2004	84	Tốt	
11	Nguyễn Thị Trang Nhung	30/10/2004	84	Tốt	
12	Triệu Hồng Nhung	21/9/2004	80	Tốt	
13	Trần Hồng Quân	25/9/2004	81	Tốt	
14	Nguyễn Hồng Quyên	02/6/2004	80	Tốt	
15	Nguyễn Thị Hương Sen	18/4/2004	79	Khá	
16	Lưu Thị Phương Thảo	01/1/2004	81	Tốt	
17	Nguyễn Thanh Thảo	26/5/2004	79	Khá	
18	Nguyễn Thị Thảo	16/9/2004	79	Khá	
19	Nguyễn Thị Thanh Thương	28/9/2004	79	Khá	
20	Đinh Thị Thu Trang	19/6/2004	76	Khá	
21	Lã Thị Trang	17/3/2004	90	Xuất sắc	
22	Nguyễn Thị Thu Trang	10/1/2004	79	Khá	
23	Ngô Thị Xuyến	27/9/2004	81	Tốt	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1(2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	2	8.7
2	Tốt	12	52.2
3	Khá	9	39.1
4	Trung bình	0	0.0
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		23	100.0

NGƯỜI LẬP

Tùng Thị Huyền

TP.CTCT&QLHSSV



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC K12A16

Học kỳ I - Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ 1 (2022-2023)		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Đặng Rơ Châm An	09/01/2004	77	Khá	
2	Nguyễn Thị Anh	09/6/2002	77	Khá	
3	Trịnh Tuấn Anh	11/9/2003	70	Khá	
4	Phạm Ngọc Anh	14/6/2004	67	Trung bình	
5	Nguyễn Thị Linh Chi	27/10/2004	62	Trung bình	
6	Nguyễn Tiến Dũng	25/01/2001	71	Khá	
7	Hoàng Thị Giang	19/3/2004	90	Xuất sắc	
8	Trịnh Thị Thu Hằng	09/11/2004	75	Khá	
9	Nguyễn Thu Hiền	21/02/2002	81	Tốt	
10	Đỗ Trung Hiếu	23/12/2004	90	Xuất sắc	
11	Lục Minh Hương	01/4/2004	62	Trung bình	
12	Phùng Thị Thu Huyền	06/11/2004	80	Tốt	
13	Nguyễn Thị Trà My	28/11/2004	72	Khá	
14	Hồ Thị Thanh Nga	03/1/2004	78	Khá	
15	Nguyễn Thảo Ánh Ngân	11/8/2004	80	Tốt	
16	Bùi Bích Ngọc	06/12/2004	73	Khá	
17	Nguyễn Thị Thu Phương	13/4/2004	76	Khá	
18	Trương Thị Mai Sương	03/12/2004	78	Khá	
19	Nguyễn Thị Thắm	21/10/2004	80	Tốt	
20	Nguyễn Thị Phương Thảo	31/01/2003	80	Tốt	
21	Đặng Anh Thư	26/10/2004	77	Khá	
22	Nguyễn Thị Triệu	23/10/1987	76	Khá	
23	Lê Phương Trúc	29/3/2004	74	Khá	
24	Hoàng Thị Hải Vy	29/01/2004	76	Khá	
25	Nguyễn Thị Hải Yến	09/2/2003	73	Khá	
26	Nguyễn Thị Thu Huệ	30/8/2000	70	Khá	
27	Phạm Phương Anh	24/7/2004	78	Khá	
28	Nguyễn Hoàng Doanh	20/3/1999	76	Khá	
29	Nguyễn Thị Thu Thảo	16/5/2003	69	Trung bình	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1(2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	2	6.9
2	Tốt	5	17.2
3	Khá	18	62.1
4	Trung bình	4	13.8
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		29	100.0

NGƯỜI LẬP

TP.CTCT&QLHSSV



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC K11A
Học kỳ I - Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ 1 (2022-2023)		Ghi chú
			Tổng điểm	Xếp loại	
1	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	28/04/2004	64	Trung bình	
2	Nguyễn Tiến Đạt	15/9/2003	78	Khá	
3	Vũ Thị Duyên	04/5/2004	88	Tốt	
4	Nguyễn Đăng Khôi	31/12/2003	75	Khá	
5	Nguyễn Sơn Tùng Lâm	29/8/2004	78	Khá	
6	Dương Thùy Liên	26/10/2004	76	Khá	
7	Nguyễn Thị Kim Liên	03/11/1998	77	Khá	
8	Đặng Tuyết Linh	19/6/2004	77	Khá	
9	Lê Thị Hương Mai	23/6/2002	77	Khá	
10	Nguyễn Mai Phương	12/12/2004	78	Khá	
11	Nguyễn Mai Phương	25/02/2004	84	Tốt	
12	Nguyễn Thanh Sơn	23/10/2004	90	Xuất sắc	
13	Nguyễn Thị Phương Thảo	20/02/2004	77	Khá	
14	Đinh Thị Thanh Thúy	25/5/2004	78	Khá	
15	Phạm Quỳnh Trang	03/11/2004	77	Khá	
16	Vũ Phương Trang	25/3/2004	77	Khá	
17	Nguyễn Tuấn Vũ	18/02/2004	78	Khá	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1(2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	1	5.9
2	Tốt	2	11.8
3	Khá	13	76.5
4	Trung bình	1	5.9
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		17	100.0

NGƯỜI LẬP

Trịnh Thị Khuyên

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ái Hương

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP TRUNG CẤP Y SỸ ĐA KHOA K13A1

Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ 1 (2022-2023)		HỌC KỲ 2 (2022-2023)	
			Tổng điểm	Xếp loại	Tổng điểm	Xếp loại
1	Đàm Thị Lan Anh	19/11/2004	84	Tốt	87	Tốt
2	Lê Thị Châu Anh	27/6/2004	80	Tốt	81	Tốt
3	Nguyễn Đức Hiếu Anh	06/12/2004	78	Khá	80	Tốt
4	Nguyễn Việt Anh	18/6/2004	73	Khá	75	Khá
5	Hà Thị Mai Chi	06/5/2004	80	Tốt	82	Tốt
6	Phạm Linh Chi	03/12/2004	77	Khá	80	Tốt
7	Đinh Thị Chúc	08/11/2002	85	Tốt	89	Tốt
8	Phạm Thành Đạt	28/10/2002	74	Khá	76	Khá
9	Nguyễn Văn Duy	20/9/2004	73	Khá	79	Khá
10	Lê Trường Giang	06/9/2002	71	Khá	76	Khá
11	Phương Văn Giang	15/3/2003	71	Khá	76	Khá
12	Nguyễn Thị Hà	28/8/2004	85	Tốt	88	Tốt
13	Bùi Xuân Hiếu	13/10/2000	73	Khá	78	Khá
14	Nguyễn Năng Hiếu	01/8/2004	74	Khá	79	Khá
15	Trương Thúy Hoàng	08/9/2004	76	Khá	79	Khá
16	Mai Khánh Linh	17/9/2004	85	Tốt	85	Tốt
17	Phạm Ngọc Thành Long	27/2/2004	75	Khá	77	Khá
18	Phạm Thị Ngọc Nhi	14/1/2004	76	Khá	79	Khá
19	Phạm Mai Phương	07/2/2004	73	Khá	79	Khá
20	Lê Văn Toàn	16/8/2004	76	Khá	80	Tốt
21	Ngô Ngọc Tú	12/01/2003	73	Khá	76	Khá
22	Nguyễn Văn Tuyên	20/11/2003	76	Khá	78	Khá

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1(2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	0	0.0
2	Tốt	6	27.3
3	Khá	16	72.7
4	Trung bình	0	0.0
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		22	100.0
STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 2(2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	0	0.0
2	Tốt	9	40.9
3	Khá	13	59.1
4	Trung bình	0	0.0
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		22	100.0

NGƯỜI LẬP



Trịnh Thị Huyền

TP.CTCT&QLHSSV



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP TRUNG CẤP Y SỸ ĐA KHOA K13A2

Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ 1 (2022-2023)		HỌC KỲ 2 (2022-2023)	
			Tổng điểm	Xếp loại	Tổng điểm	Xếp loại
1	Nguyễn Công Anh	29/12/2004	77	Khá	78	Khá
2	Nguyễn Thị Ngọc Anh	22/8/2004	77	Khá	76	Khá
3	Vũ Phương Anh	30/10/2004	80	Tốt	81	Tốt
4	Vũ Thị Lan Anh	19/1/2004	75	Khá	79	Khá
5	Đỗ Quốc Thành Đạt	30/8/2004	75	Khá	78	Khá
6	Phùng Việt Dũng	02/11/2004	78	Khá	80	Tốt
7	Lê Khắc Hoàng	04/10/2004	77	Khá	76	Khá
8	Tạ Tiến Hưng	10/8/2004	77	Khá	82	Tốt
9	Nguyễn Thị Huệ	05/12/2004	78	Khá	81	Tốt
10	Dương Hoàng Huy	02/9/2003	70	Khá	76	Khá
11	Hoàng Hà Quốc Huy	21/1/2004	74	Khá	75	Khá
12	Nguyễn Quốc Huy	21/7/2003	77	Khá	80	Tốt
13	Nguyễn Văn Quảng	01/1/2004	77	Khá	79	Khá
14	Hoàng Thanh Thảo	21/3/2004	88	Tốt	89	Tốt
15	Kim Xuân Thiết	18/3/1991	88	Tốt	89	Tốt
16	Đàm Thị Thu Trang	17/2/2004	86	Tốt	87	Tốt
17	Đỗ Thị Trang	10/6/2004	85	Tốt	76	Khá
18	Nguyễn Đại Anh Tuấn	02/2/2004	72	Khá	78	Khá
19	Bùi Đình Văn	26/6/2004	78	Khá	77	Khá
20	Nguyễn Thị Vượng	03/2/1995	80	Tốt	81	Tốt

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1(2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	0	0.0
2	Tốt	6	30.0
3	Khá	14	70.0
4	Trung bình	0	0.0
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		20	100.0
STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 2(2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	0	0.0
2	Tốt	9	45.0
3	Khá	11	55.0
4	Trung bình	0	0.0
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		20	100.0

NGƯỜI LẬP

TP.CTCT&QLHSSV



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP TRUNG CẤP Y SỸ ĐA KHOA K13A3

Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ 1 (2022-2023)		HỌC KỲ 2 (2022-2023)	
			Tổng điểm	Xếp loại	Tổng điểm	Xếp loại
1	Lê Văn Biên	07/12/2004	72	Khá	81	Tốt
2	Tổng Văn Cương	31/3/2004	68	Trung bình	70	Khá
3	Trần Văn Dũng	10/5/2004	77	Khá	78	Khá
4	Phạm Quốc Hùng	30/5/2002	70	Khá	Bỏ học	
5	Ngô Văn Huy	30/10/2004	70	Khá	71	Khá
6	Nguyễn Chí Kiên	24/10/2004	70	Khá	70	Khá
7	Nguyễn Thị Lệ	01/01/2004	78	Khá	83	Tốt
8	Vũ Thị Trà My	29/4/2003	87	Tốt	92	Xuất sắc
9	Bùi Thị Thanh Nhân	12/2/2004	85	Tốt	80	Tốt
10	Lê Thanh Nhi	01/6/2004	72	Khá	86	Tốt
11	Trần Mạnh Quang	05/10/2003	74	Khá	77	Khá
12	Nguyễn Đắc Sơn	12/01/2004	70	Khá	72	Khá
13	Kiều Việt Thắng	13/11/2004	76	Khá	79	Khá
14	Nguyễn Văn Thắng	01/12/2004	72	Khá	78	Khá
15	Nguyễn Văn Thành	29/1/2003	73	Khá	76	Khá
16	Nguyễn Văn Trường	19/4/1995	73	Khá	80	Tốt
17	Hoàng Anh Tú	06/1/2004	76	Khá	77	Khá
18	Nguyễn Bá Tuyên	01/11/2001	74	Khá	77	Khá
19	Đàm Lâm Vũ	15/3/1996	78	Khá	86	Tốt
20	Trần Thị Yên	13/3/2002	86	Tốt	93	Xuất sắc

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1(2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	0	0.0
2	Tốt	3	15.0
3	Khá	16	80.0
4	Trung bình	1	5.0
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		20	100.0
STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 2(2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	2	10.5
2	Tốt	6	31.6
3	Khá	11	57.9
4	Trung bình	0	0.0
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		19	100.0

NGƯỜI LẬP

TP.CTCT&QLHSSV



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

Tình Thị Khuyên

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP TRUNG CẤP Y SỸ ĐA KHOA K13A4

Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ 1 (2022-2023)		HỌC KỲ 2 (2022-2023)	
			Tổng điểm	Xếp loại	Tổng điểm	Xếp loại
1	Nguyễn Minh Anh	14/10/2000	80	Tốt	81	Tốt
2	Nguyễn Bích Diệp	16/3/2003	69	Trung bình	83	Tốt
3	Đào Ngọc Hiệp	13/3/2004	80	Tốt	81	Tốt
4	Bùi Quang Hiếu	09/4/2003	87	Tốt	91	Xuất sắc
5	Đặng Văn Hiếu	23/9/2004	77	Khá	82	Tốt
6	Phạm Minh Hùng	22/02/2003	78	Khá	80	Tốt
7	Nguyễn Xuân Lộc	08/9/1985	91	Xuất sắc	92	Xuất sắc
8	Đàm Văn Minh	25/5/2004	70	Khá	75	Khá
9	Hoàng Ngọc Nam	19/1/2004	78	Khá	81	Tốt
10	Phùng Thị Như Ngọc	07/4/2004	82	Tốt	84	Tốt
11	Nguyễn Văn Phúc	12/02/2004	82	Tốt	82	Tốt
12	Đỗ Thị Quỳnh	15/9/2003	79	Khá	83	Tốt
13	Trương Tiến Thắng	27/7/2004	78	Khá	81	Tốt
14	Nguyễn Ngọc Triệu	26/9/2004	81	Tốt	83	Tốt
15	Trần Văn Long	29/9/2004	78	Khá	81	Tốt

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1(2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	1	6.7
2	Tốt	6	40.0
3	Khá	7	46.7
4	Trung bình	1	6.7
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		15	100.0
STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 2(2022-2023)	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
1	Xuất sắc	2	13.3
2	Tốt	12	80.0
3	Khá	1	6.7
4	Trung bình	0	0.0
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		15	100.0

NGƯỜI LẬP

TP.CTCT&QLHSSV

Trịnh Thị Khuyên

Nguyễn Thị Ái Hương



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG K14A1
Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Học kỳ I		Ghi Chú
			TỔNG ĐIỂM	XẾP LOẠI	
1	Lê Ngọc Lan Anh	14/10/2004	79	Khá	
2	Nghiêm Thị Ngọc Ánh	10/12/2004	88	Tốt	
3	Phạm Xuân Bình	08/12/2004	77	Khá	
4	Hoàng Danh Danh	21/10/2004	81	Tốt	
5	Mùa Y Dỡ	14/08/2004	81	Tốt	
6	Đinh Thị Hải	09/08/1999	91	Xuất sắc	
7	Phạm Minh Hiếu	18/09/2004	81	Tốt	
8	Trần Thị Ánh Hồng	10/10/2004	80	Tốt	
9	Đinh Thị Khánh Huyền	18/10/2004	81	Tốt	
10	Nguyễn Hải Linh	16/02/2004	82	Tốt	
11	Nguyễn Thị Lụa	15/07/2004	80	Tốt	
12	Vũ Thị Thúy Nga	16/12/2004	82	Tốt	
13	Đoàn Hồng Nhung	21/01/2004	81	Tốt	
14	Cao Thị Kim Oanh	07/12/2004	80	Tốt	
15	Lê Thị Lâm Oanh	23/08/2004	87	Tốt	
16	Phạm Thị Sáng	28/7/2004	80	Tốt	
17	Nguyễn Việt Thu Thảo	14/02/2004	77	Khá	
18	Mai Thị Minh Thúy	21/04/2002	80	Tốt	
19	Nguyễn Thúy Trà	14/09/2002	80	Tốt	
20	Phạm Thị Thu Trang	21/09/2004	70	Khá	
21	Nguyễn Dương Tùng	25/04/2004	90	Xuất sắc	
22	Đinh Thị Lan	10/01/2004	80	Tốt	
23	Lê Hương Giang	03/03/2004	79	Khá	
24	Trương Diễm Quỳnh	09/02/2003	79	Khá	
25	Đào Minh Khuê	12/07/2000	80	Tốt	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1	Số Lượng	Tỉ lệ
1	Xuất sắc	2	8.0
2	Tốt	17	68.0
3	Khá	6	24.0
4	Trung bình	0	0.0
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		25	100.0

NGƯỜI LẬP

Nghiêm Thu Huyền

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ái Hương



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG K14A2

Học kỳ II Năm học 2023-2024 (Kỳ 4)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Học kỳ I		Ghi chú
			TỔNG ĐIỂM	XẾP LOẠI	
1	Nguyễn Thị Kim Anh	16/10/2004	80	Tốt	
2	Nguyễn Thị Kim Chi	10/01/2004	80	Tốt	
3	Nguyễn Văn Giáp	07/09/2004	80	Tốt	
4	Nguyễn Thanh Hằng	04/05/2004	86	Tốt	
5	Đặng Phi Hùng	09/10/2004	80	Tốt	
6	Đặng Thị Hương	08/04/2004	75	Khá	
7	Đặng Thị Hương	23/10/2003	80	Tốt	
8	Phạm Phương Lan	04/01/2004	79	Khá	
9	Nguyễn Thị Diệu Linh	07/06/2004	80	Tốt	
10	Vũ Thành Long	08/07/2004	81	Tốt	
11	Lê Văn Long	03/10/1995	89	Tốt	
12	Lại Thị Khánh Ly	20/08/2004	89	Tốt	
13	Nguyễn Hải My	26/10/2004	74	Khá	
14	Nguyễn Văn Nghiêm	31/8/2004	87	Tốt	
15	Nguyễn Thị Phương	05/11/1985	90	Xuất sắc	
16	Nguyễn Đình Hà Phương	27/08/2004	81	Tốt	
17	Nguyễn Ngọc Sơn	26/08/2004	77	Khá	
18	Bùi Thị Thảo	11/11/2004	77	Khá	
19	Nguyễn Thị Thu	19/12/2004	77	Khá	
20	Nguyễn Thị Thanh Thúy	08/11/2004	76	Khá	
21	Đỗ Thị Trúc	12/02/2004	80	Tốt	

STT	XẾP LOẠI	Số Lượng	Tỉ lệ
1	Xuất sắc	1	4.8
2	Tốt	12	48.0
3	Khá	7	28.0
4	Trung bình	0	0
5	Yếu	0	0
Tổng số SV		21	100

NGƯỜI LẬP

Nghiêm Thu Huyền

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ái Hương



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG K14A3
Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Học kỳ I		Ghi Chú
			TỔNG ĐIỂM	XẾP LOẠI	
1	Lê Thị Tâm Anh	18/03/2004	77	Khá	
2	Nguyễn Thị Kim Anh	13/12/2004	80	Tốt	
3	Vũ Thị Lan Anh	02/02/2004	81	Tốt	
4	Nguyễn Minh Đức	07/08/1996	80	Tốt	
5	Lê Thị Ánh Dương	26/05/2004	79	Khá	
6	Nguyễn Thị Thùy Dương	06/05/2004	70	Khá	
7	Nguyễn Thùy Dương	04/04/2003	79	Khá	
8	Trần Thị Trà Giang	28/11/2004	79	Khá	
9	Nguyễn Thị Huệ	17/11/1999	89	Tốt	
10	Đỗ Thị Minh Hằng	20/05/2003	81	Tốt	
11	Nguyễn Văn Thị Huyền	16/10/2004	81	Tốt	
12	Nguyễn Phương Kim Lương	27/10/2002	91	Xuất sắc	
13	Nguyễn Tuyết Lương	21/09/2004	82	Tốt	
14	Nguyễn Hương Ly	22/08/2004	70	Khá	
15	Phạm Hà My	04/06/2004	81	Tốt	
16	Lê Thị Tuyết Ngân	22/12/2004	81	Tốt	
17	Nguyễn Thị Bích Ngọc	07/04/2004	81	Tốt	
18	Phạm Ánh Nguyệt	11/11/2004	80	Tốt	
19	Lê Văn Quyết	22/03/2004	72	Khá	
20	Nguyễn Như Quỳnh	29/05/2004	80	Tốt	
21	Lê Hoàng Thành	26/12/2004	88	Tốt	
22	Lê Thị Mai Trâm	01/02/2004	81	Tốt	
23	Nguyễn Thị Thanh Trúc	07/08/2003	89	Tốt	
24	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	20/09/2004	80	Tốt	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ I	Số Lượng	Tỉ lệ
1	Xuất sắc	1	4.2
2	Tốt	16	66.7
3	Khá	7	29.2
4	Trung bình	0	0.0
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		24	100.0

NGƯỜI LẬP

Nghiêm Thu Huyền

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ái Hương



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG K14A4
Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Học kỳ I		Ghi Chú
			TỔNG ĐIỂM	XẾP LOẠI	
1	Phan Bảo Anh	12/07/2004	83	Tốt	
2	Đỗ Minh Anh	14/01/2004	78	Khá	
3	Nguyễn Ngọc Anh	18/10/2004	79	Khá	
4	Nguyễn Thành Đạt	21/11/2004	74	Khá	
5	Trần Ngọc Diệp	06/09/2004	88	Tốt	
6	Nguyễn Phú Hoàng	10/02/2002	78	Khá	
7	Bùi Đình Khương	06/02/2004	70	Khá	
8	Lê Thị Lan	27/10/2004	81	Tốt	
9	Hoàng Thị Mai Linh	04/06/2004	80	Tốt	
10	Phạm Diệu Linh	11/08/2004	80	Tốt	
11	Bàn Thị Loan	27/01/2004	80	Tốt	
12	Nguyễn Thị Phương Ly	01/04/2004	78	Khá	
13	Vũ Thúy Nga	01/02/2004	78	Khá	
14	Vương Kiều Ngân	06/06/2004	79	Khá	
15	Hoàng Hồng Ngọc	26/04/2004	81	Tốt	
16	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	05/02/2004	78	Khá	
17	Phạm Thị Thanh Nhân	02/01/2000	81	Tốt	
18	Nguyễn Thị Yến Nhi	07/10/2004	80	Tốt	
19	Ngô Thị Kiều Oanh	05/07/2004	79	Khá	
20	Lưu Huyền Trang	02/05/2004	80	Tốt	
21	Đặng Hiền Trang	16/06/2004	70	Khá	
22	Nguyễn Ngọc Trang	25/04/2003	87	Tốt	
23	Phạm Thoại Yến Vy	10/09/2004	70	Khá	
24	Nguyễn Thị Tú Ly	15/12/1999	80	Tốt	
25	Trần Thị Hương	29/08/2004	70	Khá	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ I	Số Lượng	Tỉ lệ
1	Xuất sắc	0	0.0
2	Tốt	12	48.0
3	Khá	12	48.0
4	Trung bình	0	0.0
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		25	100.0

NGƯỜI LẬP

Nghiêm Thu Huyền

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ái Hương



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG K14A5
Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Học kỳ I		Ghi Chú
			TỔNG ĐIỂM	XẾP LOẠI	
1	Phí Thị Vân Anh	05/07/2004	79	Khá	
2	Đỗ Kim Anh	16/02/2003	79	Khá	
3	Rần Mạnh Đạt	08/10/2004	79	Khá	
4	Nguyễn Thị Thu Hà	28/10/2003	72	Khá	
5	Đỗ Hữu Hai	09/10/2003	79	Khá	
6	Nguyễn Thị Thu Hiền	14/11/2004	79	Khá	
7	Ngô Việt Hưng	20/12/2004	77	Khá	
8	Đặng Thị Lan	09/08/2004	79	Khá	
9	Nguyễn Thị Diệu Linh	21/05/2004	80	Tốt	
10	Vương Sĩ Thị Mai	30/07/2001	87	Tốt	
11	Nguyễn Hà My	10/06/2002	74	Khá	
12	Lê Thị Bích Ngọc	02/04/2004	79	Khá	
13	Nguyễn Thị Ngọc	28/03/2004	80	Tốt	
14	Nguyễn Thị Tố Như	02/12/2004	80	Tốt	
15	Vũ Đặng Kim Oanh	23/11/2004	70	Khá	
16	Nguyễn Thị Phương	13/05/2004	79	Khá	
17	Đinh Thị Phụng	17/11/2002	88	Tốt	
18	Nguyễn Văn Phú	01/08/2000	61	Trung bình	
19	Đặng Văn Quang	04/03/1987	90	Xuất sắc	
20	Đỗ Đăng Thắng	23/03/2004	72	Khá	
21	Vũ Thị Hà Thu	05/11/2004	80	Tốt	
22	Đào Thị Thu	21/01/2004	79	Khá	
23	Trần Thị Diễm Trang	25/06/2003	80	Tốt	
24	Đỗ Thị Hà Trang	12/07/2004	88	Tốt	
25	Nguyễn Thị Thanh	28/11/2004	80	Tốt	
26	Lê Thị Trà My	06/04/2003	79	Khá	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ I	Số Lượng	Tỉ lệ
1	Xuất sắc	1	3.8
2	Tốt	9	34.6
3	Khá	15	57.7
4	Trung bình	1	3.8
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		26	100.0

NGƯỜI LẬP

Nghiêm Thu Huyền

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ái Hương

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG K14A6
Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Học kỳ I		Ghi Chú
			TỔNG ĐIỂM	XẾP LOẠI	
1	Tường Ngọc Anh	16/05/2004	75	Khá	
2	Phan Văn Thái Anh	18/06/2004	78	Khá	
3	Nguyễn Tuấn Đạt	10/02/2004	78	Khá	
4	Nguyễn Ngọc Quỳnh Dung	20/03/2004	78	Khá	
5	Nguyễn Thu Hạ	24/07/2004	81	Tốt	
6	Hoàng Thị Thu Hương	02/02/2004	80	Tốt	
7	Trần Thị Thu Huyền	11/10/2004	70	Khá	
8	Nguyễn Thanh Huyền	24/09/2004	80	Tốt	
9	Phạm Tiến Lực	18/02/2004	80	Tốt	
10	Nguyễn Tú Mây	28/10/2003	81	Tốt	
11	Nguyễn Thị Trà My	21/08/2004	81	Tốt	
12	Nguyễn Thị Như Ngọc	16/11/2004	78	Khá	
13	Đỗ Xuân Ngọc	21/11/2004	79	Khá	
14	Lê Ngọc Nhi	19/06/2004	80	Tốt	
15	Chu Đình Phong	13/05/2003	78	Khá	
16	Nguyễn Mạnh Phúc	26/01/2004	78	Khá	
17	Nguyễn Tiến Thành	28/06/2004	81	Tốt	
18	Tạ Thị Anh Thư	15/11/2004	88	Tốt	
19	Nguyễn Hoài Thương	09/07/2000	88	Tốt	
20	Nguyễn Thị Thúy	29/09/2004	80	Tốt	
21	Nguyễn Thị Thủy	13/12/2004	80	Tốt	
22	Bùi Phương Thảo	05/01/2004	82	Tốt	
23	Nguyễn Trang Nhung	24/09/2003	81	Tốt	
24	Trần Thị Diệu	02/06/2004	81	Tốt	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1	Số Lượng	Tỉ lệ
1	Xuất sắc	0	0.0
2	Tốt	15	62.5
3	Khá	9	37.5
4	Trung bình	0	0.0
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		24	100.0

NGƯỜI LẬP

Nghiêm Thu Huyền

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ái Hương

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG K14A7
Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Học kỳ I		Ghi Chú
			TỔNG ĐIỂM	XẾP LOẠI	
1	Ngô Quốc Bảo	02/03/2003	71	Khá	
2	Nguyễn Quỳnh Chi	06/06/2004	83	Tốt	
3	Giang Huệ Chi	07/03/2004	83	Tốt	
4	Lê Đức Dũng	09/07/2003	72	Khá	
5	Nguyễn Thị Giang	06/02/2004	80	Tốt	
6	Nguyễn Duy Hiếu	18/09/2004	78	Khá	
7	Kim Ngọc Khánh	07/09/2004	90	Xuất sắc	
8	Vũ Khánh Linh	02/10/2003	75	Khá	
9	Nguyễn Thị Kiều Linh	06/09/2003	80	Tốt	
10	Nguyễn Kiều Linh	20/06/2004	79	Khá	
11	Tổng Thị Khánh Linh	04/12/2004	81	Tốt	
12	Bùi Thị Loan	16/11/1998	81	Tốt	
13	Nguyễn Thị Mai	17/12/2003	82	Tốt	
14	Đỗ Hồng Nhung	22/11/2004	79	Khá	
15	Nguyễn Thị Trang Oanh	28/12/2004	77	Khá	
16	Nguyễn Minh Quân	12/11/2004	77	Khá	
17	Lê Phương Thảo	23/05/2003	85	Tốt	
18	Đào Thúy Thom	22/04/2004	90	Xuất sắc	
19	Nguyễn Thị Thúy	04/06/2004	88	Tốt	
20	Nguyễn Thị Tình	02/03/2004	79	Khá	
21	Nguyễn Thị Thanh Trà	04/06/2004	70	Khá	
22	Vũ Thu Trang	02/06/2003	78	Khá	
23	Lê Thị Thu Uyên	08/08/2004	81	Tốt	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ I	Số Lượng	Tỉ lệ
1	Xuất sắc	2	8.7
2	Tốt	10	43.5
3	Khá	11	47.8
4	Trung bình	0	0.0
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		23	100.0

NGƯỜI LẬP

Nghiêm Thu Huyền

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ái Hương

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG K14A8
Học kỳ II Năm học 2023-2024 (Kỳ 4)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Học kỳ I		Ghi chú
			TỔNG ĐIỂM	XẾP LOẠI	
1	Phùng Thị Lan Anh	14/07/2004	91	Xuất sắc	
2	Đỗ Thị Lan Anh	09/05/2004	81	Tốt	
3	Nguyễn Thế Anh	19/06/2004	82	Tốt	
4	Hoàng Minh Anh	16/09/2004	80	Tốt	
5	Nguyễn Phương Anh	08/06/2004	88	Tốt	
6	Lê Quốc Cường	06/10/1997	78	Khá	
7	Nguyễn Thị Diệu	26/01/2004	80	Tốt	
8	Nguyễn Thị Hạnh	21/11/2004	74	Khá	
9	Nguyễn Minh Hiếu	19/01/2004	74	Khá	
10	Đặng Đức Hưng	04/02/2003	76	Khá	
11	Bùi Mai Hương	21/09/2004	80	Tốt	
12	Đỗ Thanh Mai	17/01/2004	73	Khá	
13	Trần Thảo Nguyên	04/09/2004	81	Tốt	
14	Nguyễn Thu Phương	15/09/2004	80	Tốt	
15	Đinh Bạt Quân	30/08/2004	87	Tốt	
16	Đào Thị Diệu Quyên	10/11/2004	82	Tốt	
17	Đào Anh Tú	05/03/2004	80	Tốt	
18	Nguyễn Thu Vân	04/02/2004	80	Tốt	
19	Trịnh Bảo Vy	10/12/2004	80	Tốt	
20	Nguyễn Thị Thu Chang	05/02/2000	80	Tốt	
21	Nguyễn Minh Hiếu	26/01/2004	92	Xuất sắc	
22	Nguyễn Tiến Huân	03/03/2004	78	Khá	

STT	XẾP LOẠI	Số Lượng	Tỉ lệ
1	Xuất sắc	2	9.1
2	Tốt	14	63.6
3	Khá	6	27.3
4	Trung bình	0	0
5	Yếu	0	0
Tổng số SV		22	100

NGƯỜI LẬP

Nghiêm Thu Huyền

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ái Hương



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG K14A9

Học kỳ II Năm học 2023-2024 (Kỳ 4)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Học kỳ I		Ghi chú
			TỔNG ĐIỂM	XẾP LOẠI	
1	Lê Thị Hà An	21/09/2004	75	Khá	
2	Đào Thị Thanh Bình	04/11/2003	80	Tốt	
3	Nghiêm Thị Diệu	09/12/2004	80	Tốt	
4	Nguyễn Khắc Dũng	24/02/2004	80	Tốt	
5	Nguyễn Thị Hương Giang	04/12/2004	81	Tốt	
6	Nông Xuân Huy	03/02/2004	79	Khá	
7	Nguyễn Quang Huy	23/07/2004	86	Tốt	
8	Phan Thị Thu Lan	14/01/2004	79	Khá	
9	Khuất Thị Thu Lan	09/08/2004	80	Tốt	
10	Nguyễn Thị Linh	05/09/2004	82	Tốt	
11	Đỗ Thùy Linh	19/02/2004	78	Khá	
12	Nguyễn Thị Thanh Mai	09/05/2004	78	Khá	
13	Đinh Thị Hồng Ngọc	14/08/2004	90	Xuất sắc	
14	Bùi Thị Thu Nguyệt	26/04/2004	81	Tốt	
15	Cao Thị Phương	19/06/2004	80	Tốt	
16	Nguyễn Thị Quỳnh	10/12/2003	81	Tốt	
17	Tạ Thị Phương Thanh	30/10/2004	79	Khá	
18	Vũ Thị Thủy	07/05/2004	78	Khá	
19	Phùng Trần Thanh Trà	30/11/2004	86	Tốt	
20	Vũ Thu Trang	16/03/2004	79	Khá	
21	Trình Thu Trang	16/09/2003	81	Tốt	
22	Nguyễn Thị Trang	19/01/2004	79	Khá	
23	Phạm Thị Ánh Tuyết	13/12/2004	78	Khá	
24	Nguyễn Tấn Đạt	20/11/2003	78	Khá	
25	Trương Thị Mai Chi	02/10/2004	76	Khá	
26	Mai Văn Tuấn	10/05/2003	72	Khá	

STT	XẾP LOẠI	Số Lượng	Tỉ lệ
1	Xuất sắc	1	3.8
2	Tốt	12	46.2
3	Khá	13	50.0
4	Trung bình	0	0
5	Yếu	0	0
Tổng số SV		26	100

NGƯỜI LẬP

Nghiêm Thu Huyền

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ái Hương



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG K14B1
Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Học kỳ I		Ghi Chú
			TỔNG ĐIỂM	XẾP LOẠI	
1	Nguyễn Thị Kim Chiêu	05/01/2004	80	Tốt	
2	Nguyễn Thùy Dương	17/09/1999	70	Khá	
3	Tổng Quang Đại	27/10/2004	79	Khá	
4	Đặng Minh Ngọc Hân	10/5/2004	79	Khá	
5	Nguyễn Thị Phương Mai	14/04/2004	77	Khá	
6	Nguyễn Thu Phương	28/10/2004	79	Khá	
7	Đỗ Thị Tâm	28/07/2004	87	Tốt	
8	Nguyễn Phương Thảo	02/03/2003	77	Khá	
9	Hồ Xuân Việt	10/11/2004	77	Khá	
10	Đỗ Việt Xuân	12/09/2004	76	Khá	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ I	Số Lượng	Tỉ lệ
1	Xuất sắc	0	0.0
2	Tốt	2	20.0
3	Khá	8	80.0
4	Trung bình	0	0.0
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		10	100.0

NGƯỜI LẬP

TP.CTCT&QLHSSV

HIỆU TRƯỞNG



Nghiêm Thu Huyền

Nguyễn Thị Ái Hương

Nguyễn Đăng Trường

ĐIỂM RÈN LUYỆN LỚP CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG K14B2
Năm học 2022-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Học kỳ I		Ghi Chú
			TỔNG ĐIỂM	XẾP LOẠI	
1	Nguyễn Thị Thu An	04/09/2004	79	Khá	
2	Nguyễn Thị Vân Anh	08/11/2002	86	Tốt	
3	Phan Thị Ngọc Anh	06/06/2004	80	Tốt	
4	Dương Ngọc Linh Chi	06/01/2004	79	Khá	
5	Đinh Thị Thùy Dương	02/03/2003	80	Tốt	
6	Bùi Hương Giang	19/10/2004	80	Tốt	
7	Lưu Nhị Hà	13/8//2004	87	Tốt	
8	Phùng Nhật Hào	13/10/2004	61	Trung Bình	
9	Đỗ Minh Hiếu	02/06/2004	87	Tốt	
10	Nguyễn Thu Hương	27/01/2004	78	Khá	
11	Nguyễn Minh Huyền	07/12/2004	79	Khá	
12	Nguyễn Đình Nam Khánh	24/09/2004	74	Khá	
13	Nguyễn Thị Linh	21/09/2004	70	Khá	
14	Phạm Thị Thùy Linh	25/04/2004	80	Tốt	
15	Đặng Văn Long	11/01/2004	80	Tốt	
16	Hà Thị Mai	24/09/2003	89	Tốt	
17	Phạm Trà My	27/09/2004	76	Khá	
18	Nguyễn Thúy Nga	27/09/1999	80	Tốt	
19	Nguyễn Minh Ngọc	09/08/2004	74	Khá	
20	Đỗ Thị Hồng Ngọc	28/09/2004	80	Tốt	
21	Lê Như Ngọc	05/08/2004	76	Khá	
22	Nguyễn Hồng Phúc	30/11/2002	80	Tốt	
23	Nguyễn Thị Như Phương	03/10/2004	76	Khá	
24	Đỗ Kỳ Phương	15/12/2004	87	Tốt	
25	Nguyễn Thị Thảo	20/12/2004	61	Trung Bình	
26	Nguyễn Thị Thu	22/10/2001	72	Khá	
27	Nguyễn Thị Thu Thủy	19/11/2004	76	Khá	
28	Lại Thị Huyền Trang	26/06/2004	77	Khá	
29	Đào Như Tuyết	12/06/2004	80	Tốt	
30	Hà Thị Ánh Tuyết	09/05/2004	82	Tốt	
31	Đỗ Văn Thắng	07/11/2003	70	Khá	
32	Nguyễn Hương Lan	06/08/2004	61	Trung Bình	

STT	XẾP LOẠI HỌC KỲ 1	Số Lượng	Tỉ lệ
1	Xuất sắc	0	0.0
2	Tốt	15	46.9
3	Khá	14	43.8
4	Trung bình	3	9.4
5	Yếu	0	0.0
Tổng số SV		32	100.0

NGƯỜI LẬP

Nghiêm Thu Huyền

TP.CTCT&QLHSSV

Nguyễn Thị Ái Hương



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Trường